

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trịnh Thị Duyên  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ  
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trịnh Thị Duyên  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trịnh Thị Duyên

Mã SV: 1112401178

Lớp: QT1504K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ....tháng ....năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày ..... tháng .... năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

### 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

### 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2014*  
**Cán bộ hướng dẫn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## MỤC LỤC

### DANH MỤC SƠ ĐỒ

### DANH MỤC BẢNG BIỂU

### DANH MỤC VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1.....	3
<b>LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT .....</b>	<b>3</b>
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	3
<i>1.2.1 Bản chất của giá thành sản phẩm .....</i>	<i>3</i>
<i>1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm.....</i>	<i>4</i>
1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....	5
<i>1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí.....</i>	<i>5</i>
<i>1.3.2 Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm.....</i>	<i>6</i>
<i>1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm công việc lao vụ sản xuất trong kỳ .....</i>	<i>6</i>
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.....	7
<i>1.4.1 Xét theo thời điểm tính và nguồn số liệu: .....</i>	<i>7</i>
<i>1.4.2 Theo nội dung, phạm vi chi phí cấu thành:.....</i>	<i>7</i>
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành .....	8
<i>1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất (CPSX).....</i>	<i>8</i>
<i>1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm .....</i>	<i>8</i>
<i>1.5.3. Kỳ tính giá thành .....</i>	<i>9</i>
1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất .....	9
<i>1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.....</i>	<i>9</i>
<i>1.6.2 Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất.....</i>	<i>9</i>
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm .....	10

1.7.1 Phương pháp trực tiếp (còn gọi là phương pháp giản đơn) .....	10
1.7.2 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ .....	10
1.7.3 Phương pháp hệ số.....	10
1.7.4 Phương pháp tỷ lệ .....	11
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang .....	12
1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật liệu chính) .....	12
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.....	13
1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến.....	14
1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức hoặc kế hoạch. ....	14
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.....	14
1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	14
1.9.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT) .....	14
1.9.1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp .....	15
1.9.1.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung.....	16
1.9.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất.....	18
1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	19
1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	20
1.10.1 Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng.....	20
1.10.2 Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất .....	21
1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán .....	23
1.11.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
1.11.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.....	24
1.11.3. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ .....	25
1.11.4. Hình thức kế toán chứng từ - ghi sổ.....	26
1.11.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27



<b>CHƯƠNG 2.....</b>	<b>28</b>
<b>THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN.....</b>	<b>28</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.....	28
2.1.1 <i>Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần May Trường Sơn..</i>	<i>28</i>
2.1.2. <i>Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.....</i>	<i>29</i>
2.1.3. <i>Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.</i>	<i>31</i>
2.1.4. <i>Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn. ....</i>	<i>32</i>
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.....	34
2.2.1. <i>Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất .....</i>	<i>34</i>
2.2.2. <i>Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm</i>	<i>34</i>
2.2.3. <i>Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....</i>	<i>34</i>
2.2.4. <i>Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.....</i>	<i>35</i>
2.2.4.1. <i>Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn .....</i>	<i>35</i>
2.2.4.2. <i>Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.....</i>	<i>44</i>
2.2.4.3. <i>Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.....</i>	<i>54</i>
2.2.4.4. <i>Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn .....</i>	<i>64</i>
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>69</b>
<b>MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN .....</b>	<b>69</b>

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần May Trường Sơn.....	69
3.1.1. Ưu điểm .....	69
3.1.2. Hạn chế .....	71
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	71
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn.....	72
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn .....	73
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc trích trước chi phí.....	73
3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất .....	74
3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc hạch toán phế liệu thu hồi .....	75
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng phần mềm kế toán.....	75
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn.....	77
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	77
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	77
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>78</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>79</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hạch toán tổng hợp CPNVLT	15
Sơ đồ 1.2: Hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp	16
Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi phí sản xuất chung	18
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	19
Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kì	20
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được	21
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được	21
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất có kế hoạch	22
Sơ đồ 1.9: Hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch	22
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	23
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	24
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ	25
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ – ghi sổ	26
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính	27
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ công nghệ của công ty Cổ phần May Trường Sơn	30
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty cổ phần may Trường Sơn	31
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn	33
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ – ghi sổ tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn	33
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán các khoản chi phí trích trước	73
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng sửa chữa được	74
Sơ đồ 3.3: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được	75

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây .....	29
Bảng 2.2: Hóa đơn GTGT mua NVL.....	36
Bảng 2.3: Phiếu nhập kho số 127.....	37
Bảng 2.4: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	38
Bảng 2.5: Phiếu xuất kho số 135.....	39
Bảng 2.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	41
Bảng 2.7: Bảng tổng hợp chi phí NVL trực tiếp.....	42
Bảng 2.8: Chứng từ ghi sổ số 221 .....	42
Bảng 2.9: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 3/2014 .....	43
Bảng 2.10: Sổ cái TK 621 .....	44
Bảng 2.11: Bảng chấm công tháng 3 của Tổ A – Bộ phận sản xuất.....	47
Bảng 2.12: Bảng thanh toán lương tháng 3 của Tổ A – Bộ phận sản xuất.....	48
Bảng 2.13: Bảng trích các khoản theo lương tháng 3 của Tổ A –Bộ phận sản xuất .....	49
Bảng 2.14: Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương tháng 3 .....	50
Bảng 2.15: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm tháng 3 .....	51
Bảng 2.16: Chứng từ ghi sổ số 225 .....	52
Bảng 2.17: Sổ cái TK 622 .....	53
Bảng 2.18: Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp.....	54
Bảng 2.19: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn .....	55
Bảng 2.20: Chứng từ ghi sổ số 227 .....	56
Bảng 2.21: Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ .....	57
Bảng 2.22: Chứng từ ghi sổ số 228.....	58
Bảng 2.23: Hóa đơn cước dịch vụ viễn thông.....	59
Bảng 2.24: Phiếu chi số 89.....	60
Bảng 2.25: Bảng kê chứng từ cùng nội dung.....	61
Bảng 2.26: Chứng từ ghi sổ số 229 .....	62
Bảng 2.27: Sổ cái TK 627 .....	63
Bảng 2.28: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung.....	64
Bảng 2.29: Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục.....	65
Bảng 2.30: Phiếu nhập kho số 136.....	66
Bảng 2.31: Chứng từ ghi sổ số 230 .....	67
Bảng 2.32: Chứng từ ghi sổ số 231 .....	67
Bảng 2.33: Sổ cái TK 154 .....	68

## DANH MỤC VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu viết tắt</b>	<b>Tên ký hiệu</b>
1	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	CCDC	Công cụ, dụng cụ
5	CP	Chi phí
6	CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
7	CPSX	Chi phí sản xuất
8	CPSXC	Chi phí sản xuất chung
9	GTGT	Giá trị gia tăng
10	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
11	KH	Khấu hao
12	NT	Ngày tháng
13	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
14	NVL	Nguyên vật liệu
15	NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
16	SH	Số hiệu
17	SXC	Sản xuất chung
18	SXKD	Sản xuất kinh doanh
19	TK	Tài khoản
20	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
21	TSCĐ	Tài sản cố định

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vai trò quan trọng đối với công tác quản lý sản xuất của một doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Nhất là trong điều kiện hiện nay, các hoạt động kinh tế diễn ra liên tục đòi hỏi các nhà quản lý phải có được những thông tin chính xác, kịp thời để lựa chọn, định hướng và đưa ra những quyết định đúng đắn về việc sử dụng vốn, nguyên vật liệu, nhân công sản xuất cũng như tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy hạch toán kế toán là công cụ quản lý sắc bén không thể thiếu được trong quản lý của doanh nghiệp trên phạm vi toàn nền kinh tế quốc dân. Đây là một công việc đòi hỏi cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn nhất định. Hơn thế nữa còn phải nâng cao nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế tài chính trong nền kinh tế thị trường.

Để đảm bảo các loại mặt hàng được tiêu thụ trên thị trường với chất lượng tốt, giá thành hạ và đem lại hiệu quả kinh tế cao thì một trong những khâu có ý nghĩa quyết định là việc tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Do đó, dựa trên nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế là lấy thu bù chi, đạt lợi nhuận tối ưu đã đặt ra cho các doanh nghiệp yêu cầu hạch toán chính xác chi phí và tính giá thành. Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trở nên vô cùng quan trọng với bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất nào muốn đứng vững và phát triển.

Chính vì vậy mà trong suốt thời gian hoạt động sản xuất Công ty Cổ phần May Trường Sơn đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để tồn tại và phát triển. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung và kế toán sản xuất tính giá thành nói riêng ngày càng được coi trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề cùng với sự mong muốn được tìm hiểu cách tổ chức cũng như các phương pháp tính giá thành thực tế ở doanh nghiệp nên em mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn”**.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

– Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và phân tích chi phí – giá thành tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn.
- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được thực hiện tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn, số liệu minh chứng được lấy tại tháng 3 năm 2014.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

### **5. Kết cấu của khóa luận**

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương chính:

**Chương 1:** Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.

## **CHƯƠNG 1**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

#### **1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất**

Trong sự phát sinh và phát triển của loài người đã gắn liền với quá trình sản xuất. Nền sản xuất xã hội của bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Nói cách khác, quá trình sản xuất hàng hoá là quá trình kết hợp giữa 3 yếu tố: tư liệu sản xuất, đối tượng lao động và sức lao động. Đồng thời, quá trình sản xuất hàng hoá cũng chính là quá trình tiêu hao của chính bản thân các yếu tố trên. Như vậy, để tiến hành sản xuất hàng hoá, người sản xuất phải phân bổ chi phí về thù lao lao động, về tư liệu lao động và đối tượng lao động. Chính vì thế, sự hình thành nên các chi phí sản xuất để tạo ra giá trị sản phẩm sản xuất là tất yếu khách quan, không phụ thuộc vào ý trí chủ quan của con người sản xuất.

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp phải chi ra trong một thời kỳ kinh doanh. Như vậy, chỉ được tính là chi phí của kỳ kế toán những hao phí về tài sản và lao động có liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ chứ không phải mọi khoản chi ra trong kỳ kế toán.

Các doanh nghiệp chấp nhận bỏ ra các chi phí nhằm mục đích là tạo ra những giá trị sử dụng nhất định cho xã hội biểu hiện thành các mặt hàng khác nhau. Xuất phát từ mục đích sản xuất và nguyên tắc kinh doanh mọi doanh nghiệp khi sản xuất và tiêu thụ một sản phẩm đều phải tính toán xem hết bao nhiêu chi phí, các loại chi phí và tỷ trọng của từng loại chi phí cấu thành trong sản phẩm như thế nào, khả năng để hạ thấp các loại chi phí này ra sao, cuối cùng thỏa mãn được mục tiêu chính là hạ giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

#### **1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm**

##### ***1.2.1 Bản chất của giá thành sản phẩm***

Bản chất của giá thành sản phẩm là sự dịch chuyển giá trị của các yếu tố vật chất vào giá trị sản phẩm được sản xuất và tiêu thụ. Chưa có sự chuyển dịch này thì không thể nói đến chi phí và giá thành sản phẩm. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ các khoản hao phí vật chất thực tế cần được bù đắp bất kể nó thuộc bộ phận nào trong cấu thành



giá trị sản phẩm. Hạch toán giá thành chính là tính toán, xác định sự chuyển dịch các yếu tố vật chất tham gia vào khối lượng sản phẩm vừa thoát khỏi quá trình sản xuất và tiêu thụ nhằm mục đích thực hiện các chức năng của giá thành sản phẩm (chức năng bù đắp, chức năng lập giá và chức năng đòn bẩy kinh tế).

Định nghĩa nêu trên cũng cho phép chúng ta thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa giá thành sản phẩm với các yếu tố chi phối các phương thức chuyển dịch giá trị của yếu tố vật chất vào giá trị sản phẩm. Đó là các yếu tố thuộc về mặt kỹ thuật và xã hội của quá trình tái sản xuất.

### **1.2.2 Chức năng của giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác quản lý của các doanh nghiệp và của nền kinh tế. Do đó chỉ tiêu giá thành luôn được xem là một chỉ tiêu cần được xác định một cách chính xác, trung thực để giúp các doanh nghiệp cũng như giúp cho Nhà nước có căn cứ xem xét, đánh giá, kiểm tra và đề xuất các biện pháp thích ứng với hoạt động kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể. Sau đây là một vài chức năng chủ yếu của giá thành:

– *Chức năng thước đo bù đắp chi phí:*

Giá thành của sản phẩm biểu hiện những hao phí vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Những hao phí vật chất này cần được bù đắp một cách đầy đủ, kịp thời để đảm bảo yêu cầu tái sản xuất. Bù đắp hao phí sản xuất là vấn đề quan tâm đầu tiên của các doanh nghiệp bởi hiệu quả kinh tế được biểu hiện ra trước hết ở chỗ doanh nghiệp có khả năng bù lại những gì mình đã bỏ ra hay không. Đủ bù đắp là khởi điểm của hiệu quả và được coi như là yếu tố đầu tiên để được xem xét hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

– *Chức năng lập giá:*

Sản phẩm do các doanh nghiệp sản xuất ra là sản phẩm hàng hóa được thực hiện giá trị trên thị trường thông qua giá cả. Giá cả sản phẩm được xây dựng trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, biểu hiện mặt giá trị sản phẩm. Khi tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp cần thiết kế mức giá sao cho bù đắp được hao phí sản xuất cũng như việc có thể tái sản xuất.

Để thực hiện được yêu cầu bù đắp hao phí vật chất thì khi xây dựng giá phải căn cứ vào giá thành sản phẩm. Tuy nhiên giá thành sản phẩm của từng doanh nghiệp không phải là cơ sở để xây dựng giá. Để xây dựng giá người ta phải căn cứ vào giá thành bình quân của ngành, của địa phương được sản xuất trong những điều kiện trung bình.

Giá thành phải là những hao phí được xã hội chấp nhận thì mới được sử dụng làm căn cứ lập giá cho nên việc đưa ra các định mức hao phí trong giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng quan trọng khi sử dụng giá thành làm căn cứ để lập giá.

– *Chức năng đòn bẩy kinh tế:*

Doanh lợi của doanh nghiệp cao hay thấp phụ thuộc trực tiếp vào giá thành sản phẩm. Các doanh nghiệp luôn phấn đấu hạ thấp giá thành bằng nhiều phương pháp để tăng lợi nhuận, chúng sẽ giúp doanh nghiệp tăng cường đầu tư, sản xuất, mở rộng thị trường.

Khi vận dụng chức năng đòn bẩy kinh tế của giá thành cần thấy là từng yếu tố chi phí, từng loại giá thành chỉ phát sinh và xuất hiện dưới dạng riêng biệt là một yếu tố của giá thành toàn bộ. Do vậy khi đánh giá tính chất đòn bẩy của giá thành cần gắn theo từng loại giá thành, từng yếu tố chi phí so với tổng thể của nó.

### **1.3. Phân loại chi phí sản xuất**

Phân loại chi phí sản xuất là nội dung quan trọng đầu tiên cần phải thực hiện để phục vụ cho việc tổ chức theo dõi, tập hợp chi phí sản xuất để tính được giá thành và kiểm soát chặt chẽ các loại chi phí sản xuất phát sinh. Để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán, cần thiết phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất. Xuất phát từ các mục đích và yêu cầu khác nhau của quản lý, chi phí sản xuất cũng được phân loại theo những tiêu thức khác nhau.

Thông thường chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được phân loại theo các tiêu thức sau đây:

#### **1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí**

Theo cách phân loại này thì chi phí sản xuất phát sinh nếu có cùng nội dung kinh tế được sắp xếp vào một yếu tố bất kể là nó phát sinh ở bộ phận nào, dùng để sản xuất ra sản phẩm. Chi phí sản xuất được chia thành 5 yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ... mà doanh nghiệp đã sử dụng cho hoạt động sản xuất – kinh doanh trong kỳ (loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- Chi phí nhân công: bao gồm toàn bộ số tiền lương, phụ cấp và các khoản trích trên tiền lương theo quy định của công nhân, viên chức hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Loại này có thể chia thành 2 yếu tố: chi phí tiền lương và chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ phải trích trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho SXKD trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào SXKD.

- Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động SXKD trong kỳ.

Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố có tác dụng giúp ta biết được những chi phí đã dùng vào sản xuất và tỷ trọng của từng chi phí đó là bao nhiêu, là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện chi phí sản xuất, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư, tiền vốn, huy động sử dụng lao động, xây dựng kế hoạch khấu hao TSCĐ...

### ***1.3.2 Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm***

Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục giá thành là sắp xếp những chi phí có những công dụng giống nhau vào cùng một khoản mục chi phí. Chi phí sản xuất bao gồm 3 khoản mục chi phí:

- *Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp*: Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên, vật liệu chính, phụ, nhiên liệu... tham gia trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Gồm tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

- *Chi phí sản xuất chung*: Là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất (trừ chi phí vật liệu và nhân công trực tiếp). Ví dụ như chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí NVL, CCDC, khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài,... dùng cho phân xưởng.

Ngoài ra có thể bổ sung thêm các chi phí khác phù hợp với loại hình của doanh nghiệp tuân theo chế độ kế toán.

Với cách phân loại này, doanh nghiệp sẽ xác định được giá thành sản phẩm theo quy định, là căn cứ để phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành cũng như tình hình thực hiện các định mức, dự toán chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm nâng cao doanh lợi cho doanh nghiệp.

### ***1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm công việc lao vụ sản xuất trong kỳ***

\* Chi phí khả biến (biến phí): Là những chi phí có sự thay đổi cùng với khối lượng hoạt động của sản xuất, kinh doanh như chi phí vật liệu trực tiếp, tiền công phải trả theo sản phẩm...

Biến phí có 2 đặc điểm: Tổng biến phí thay đổi khi sản lượng thay đổi nhưng biến phí đơn vị không thay đổi khi sản lượng thay đổi.

\* Chi phí cố định (định phí): Là những chi phí về cơ bản không có “sự thay đổi” khi khối lượng hoạt động thay đổi. Tính cố định của các chi phí cần được hiểu là “trương đối” vì khi khối lượng sản xuất, kinh doanh có sự thay đổi lớn đến một mức độ nhất định sẽ kéo theo sự thay đổi về chi phí cố định.

Đặc điểm của định phí: Tổng định phí giữ nguyên khi sản lượng thay đổi trong phạm vi phù hợp và định phí trong một sản phẩm thay đổi khi sản lượng thay đổi.

\* Chi phí hỗn hợp: Là các chi phí mang tính chất hỗn hợp vừa là biến phí vừa là định phí.

Phân loại CPSX theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động có tác dụng đặc biệt quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp, để phân tích điểm hoà vốn và phục vụ cho việc ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn trong sự phát triển kinh doanh của doanh nghiệp.

## **1.4. Phân loại giá thành sản phẩm**

### **1.4.1 Xét theo thời điểm tính và nguồn số liệu:**

Giá thành được chia thành giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế:

- Giá thành kế hoạch: Giá thành kế hoạch được tính toán, xác định trên cơ sở chi phí và sản lượng kế hoạch, được bộ phận kế toán tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.
- Giá thành định mức: Cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch giá thành định mức được xây dựng trên trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm.
- Giá thành thực tế: Giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm trên cơ sở các chi phí sản xuất thực tế phát sinh đã được tập hợp theo mục đích, công dụng của chi phí và địa điểm phát sinh cho số sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.

### **1.4.2 Theo nội dung, phạm vi chi phí cấu thành:**

Giá thành được chia thành giá sản xuất và giá thành tiêu thụ:

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong

phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm chi phí vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

– Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ) là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (chi phí sản xuất, quản lý và bán hàng). Do vậy, giá thành tiêu thụ còn gọi là giá thành đầy đủ hay giá thành toàn bộ.

Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ chỉ được xác định khi sản phẩm, lao vụ đã xác định là tiêu thụ, đồng thời giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ là căn cứ xác định lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

### **1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành**

#### **1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất (CPSX)**

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà chi phí sản xuất cần phải tập hợp nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát chi phí sản xuất và phục vụ công tác tính giá thành sản phẩm.

Để xác định đúng đối tượng hạch toán CPSX cần phải căn cứ vào:

- ❖ Tính chất, đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ.
- ❖ Trình độ quản lý và nhu cầu thông tin của quản lý.
- ❖ Yêu cầu thông tin cho việc tính giá thành.
- ❖ Trình độ khả năng của bộ máy kế toán.

Trên cơ sở đó đối tượng hạch toán CPSX có thể là:

- Từng giai đoạn hay toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất.
- Từng phân xưởng, từng tổ, đội sản xuất.
- Từng nhóm sản phẩm, từng sản phẩm, từng chi tiết sản phẩm...
- Từng công trình xây dựng, từng đơn đặt hàng.

Như vậy, xác định đúng đối tượng tập hợp CPSX phù hợp với tình hình hoạt động, đặc điểm qui trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp thì mới có thể đáp ứng tốt yêu cầu quản lý CPSX, tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp CPSX từ khâu ghi chép ban đầu, mở sổ và ghi sổ kế toán, tổng hợp số liệu, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm.

#### **1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Các CPSX thực tế phát sinh được tập hợp là cơ sở để xác định giá thành sản phẩm. Do vậy, đối tượng tính giá thành sản phẩm chính là những sản phẩm,

công việc lao vụ, dịch vụ, những đơn đặt hàng, công trình, hạng mục công trình,... đã hoàn thành cần xác định được chi phí thực tế cấu thành.

Như vậy, xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp giúp cho kế toán tổ chức mở sổ kế toán và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp.

### **1.5.3. Kỳ tính giá thành**

Kỳ tính giá thành là khoảng thời gian cần thiết để doanh nghiệp tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất và tính tổng giá thành, giá thành đơn vị sản phẩm.

Nguyên tắc chung của kỳ tính giá thành là phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm cũng như trình độ quản lý của doanh nghiệp. Kỳ tính giá thành có thể là kỳ tính theo tháng, quý, năm, hoặc khi kết thúc, hoàn thành đơn đặt hàng hay chu kỳ SXKD,....

## **1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất**

### **1.6.1 Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất**

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Về cơ bản, phương pháp hạch toán chi phí bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ, theo phân xưởng, theo nhóm sản phẩm,.... Về thực chất, khi vận dụng các phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong công tác kế toán hàng ngày chính là việc kế toán mở các thẻ (hoặc sổ) chi tiết hạch toán chi phí sản xuất theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí phát sinh có liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí theo từng đối tượng.

### **1.6.2 Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất**

Việc tập hợp chi phí sản xuất phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học thì mới có thể tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời. Trình tự này phụ thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp, vào mối quan hệ giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, vào trình độ công tác quản lý và hạch toán... Tuy nhiên, có thể khái quát chung việc tập hợp chi phí sản xuất qua các bước sau:

– Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn.

- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ trợ cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành lao vụ.
- Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.
- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung, cách thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau.

### **1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm**

#### **1.7.1 Phương pháp trực tiếp (còn gọi là phương pháp giản đơn)**

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy khai thác và sản xuất động lực.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là từng loại sản phẩm hay dịch vụ.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

#### **1.7.2 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ**

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp cùng một quy trình sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính vừa cho ra sản phẩm phụ (sản phẩm phụ không phải là đối tượng tính giá thành và được định giá theo mục đích tận thu). Do vậy để tính được giá thành của sản phẩm chính cần phải loại trừ trị giá sản phẩm phụ ra khỏi tổng chi phí.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{thành phẩm} \\ \text{chính hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm chính} \\ \text{dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{phụ thu} \\ \text{hồi} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm chính} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

#### **1.7.3 Phương pháp hệ số**

Phương pháp hệ số được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao

động nhưng thu được đồng thời nhiều sản phẩm khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất. Theo phương pháp này, trước hết, kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy đổi các loại sản phẩm về sản phẩm gốc, từ đó, dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm đã tập hợp để tính ra giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zo)} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm } (\Sigma Z)}{\text{Tổng số lượng của tất cả các loại sp đã quy đổi } (\Sigma Q)}$$

Trong đó:

$$\Sigma Z = \text{Giá trị sp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị sp dở dang cuối kỳ}$$

$$\Sigma Q = \Sigma Q_i * H_i \quad \left\{ \begin{array}{l} Q_i: \text{ là số lượng sp loại } i \\ H_i: \text{ là hệ số quy đổi của sp } i \end{array} \right.$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm } i \text{ (Zi)} = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zo)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i \text{ (Hi)}$$

#### 1.7.4 Phương pháp tỷ lệ

Trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm chất khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng tàu, cơ khí chế tạo,... để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm từng loại} = \text{Giá thành kế hoạch hoặc định mức đơn vị sản phẩm từng loại} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của tất cả các loại sản phẩm}}$$

#### 1.7.5 Phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng được áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt theo đơn đặt hàng của khách hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo



từng đơn đặt hàng nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng.

Theo phương pháp này, chi phí nào liên quan trực tiếp đến từng đơn đặt hàng, thì sẽ được tập hợp trực tiếp cho đơn đặt hàng đó. Những chi phí liên quan đến nhiều đơn đặt hàng khác nhau thì tập hợp riêng sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức hợp lý. Nội dung cụ thể bao gồm:

- Mở sổ, thẻ kế toán để tập hợp CPSX phát sinh từ khi đơn đặt hàng bắt đầu thực hiện.

- Tổ chức tập hợp CPSX theo từng đơn đặt hàng với từng loại chi phí như sau:

- + Với chi phí trực tiếp tập hợp thẳng cho từng đơn đặt hàng.

- + Các chi phí chung sau khi tập hợp được sẽ lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp rồi tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng.

- Hàng tháng tập hợp chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến từng đơn đặt hàng.

- Khi đơn đặt hàng hoàn thành tiến hành tổng cộng CPSX hàng tháng đã tập hợp được để tính tổng giá thành và giá thành thực tế của đơn đặt hàng.

- Nếu có đơn đặt hàng nào đó mà cuối tháng vẫn chưa thực hiện xong thì việc tổng hợp chi phí của đơn đặt hàng đến cuối tháng đó chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn đặt hàng.

## **1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang**

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành sản phẩm, doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành kiểm kê và tính giá sản phẩm dở dang.

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc tính toán giá thành và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh trong kỳ. Tùy vào loại hình sản xuất và đặc điểm sản xuất sản phẩm mà các doanh nghiệp sử dụng các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang phù hợp. Sau đây là các phương pháp phổ biến thường được áp dụng khi đánh giá sản phẩm dở dang:

### **1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật liệu chính)**

Theo phương pháp này chúng ta chỉ tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (chi phí nguyên vật liệu chính) còn các khoản chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cả cho sản phẩm hoàn thành.

Phương pháp này vận dụng phù hợp cho những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (chi phí nguyên vật liệu chính) phát sinh cấu thành

trong giá thành sản phẩm chiếm tỷ trọng cao (hơn 70% trong giá thành sản phẩm). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT (NVL chính) phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

**1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương**

Theo phương pháp này, ta dựa vào mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ để quy đổi sản phẩm dở dang ra sản phẩm hoàn thành (hoàn thành tương đương). Sau đó tính toán từng khoản mục chi phí hoặc yếu tố chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ.

❖ Đối với chi phí bỏ hết 1 lần vào sản xuất ngay từ đầu quy trình công nghệ, được coi như phân bổ đồng đều 100% cho cả sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang (thông thường là 621). Loại chi phí này tính theo công thức:

$$\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

❖ Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là 622, 627), gọi là chi phí chế biến được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành thực tế, được tính theo công thức:

$$\text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi}$$

$$\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Mức độ hoàn thành}$$

$$\text{Giá trị SP dở dang cuối kỳ} = \text{Tổng các khoản mục chi phí sản xuất nằm trong SPDD cuối kỳ}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên, khối lượng tính toán lớn nên tốn khá nhiều thời gian và công sức. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang tính chủ quan.

Vì vậy, phương pháp này chỉ thích hợp khi các chi phí chế biến chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu giá thành, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều, biến động lớn so với đầu kỳ.

### **1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến.**

Phương pháp này tương tự như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, chỉ có 1 điểm khác là giả định sản phẩm dở dang hoàn thành 50% so với thành phẩm của tất cả các khoản mục chi phí chế biến.

### **1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức hoặc kế hoạch**

Phương pháp này chỉ áp dụng thích hợp với doanh nghiệp có xây dựng giá thành định mức (giá thành kế hoạch).

Theo phương pháp này, các chi phí của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào định mức tiêu hao của những công đoạn đã thực hiện được, và tỷ lệ hoàn thành.

Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \text{Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm} \times \left( \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\ \text{Mức độ hoàn thành} \end{array} \right)$$

❖ Mức độ hoàn thành được xác định riêng cho từng khoản mục theo thực tế (mức độ hoàn thành của chi phí NVL chính luôn là 100%).

## **1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm**

### **1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**

#### **1.9.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT)**

CPNVLTT bao gồm các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... được xuất dùng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm

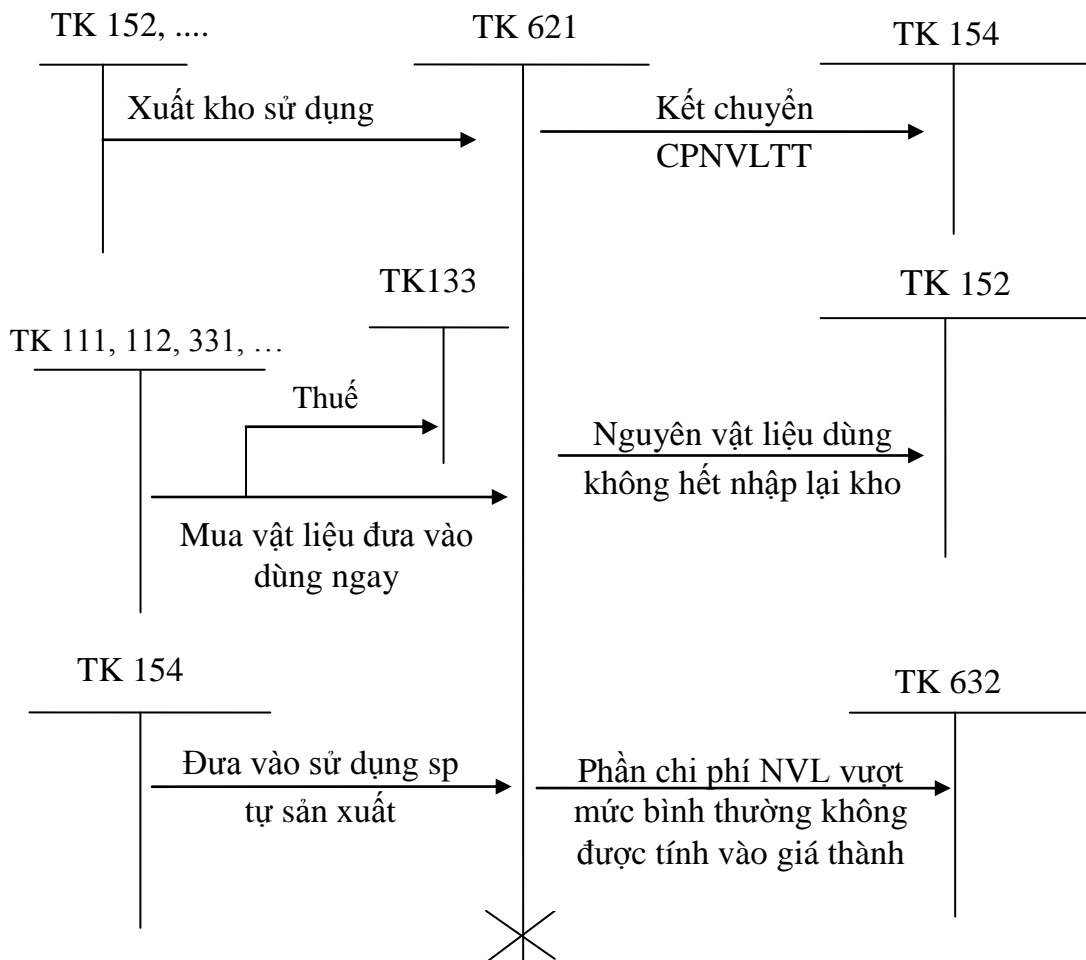
Để theo dõi các khoản chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất...).

Nợ	TK 621	Có
-Tập hợp chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh		-Giá trị vật liệu xuất dùng không hết. -Kết chuyển chi phí vật liệu trực tiếp.

Tài khoản 621 cuối kỳ không có số dư.

Hạch toán chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp tiến hành cụ thể trên sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Hạch toán tổng hợp CPNVLT



### 1.9.1.2 Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp khu vực, đất đỏ, độc hại, phụ cấp làm đêm, thêm giờ...), tiền ăn ca, tiền ăn định lượng. Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản đóng góp cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN do chủ sử dụng lao động chịu và

được tính vào chi phí kinh doanh theo một tỷ lệ nhất định với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

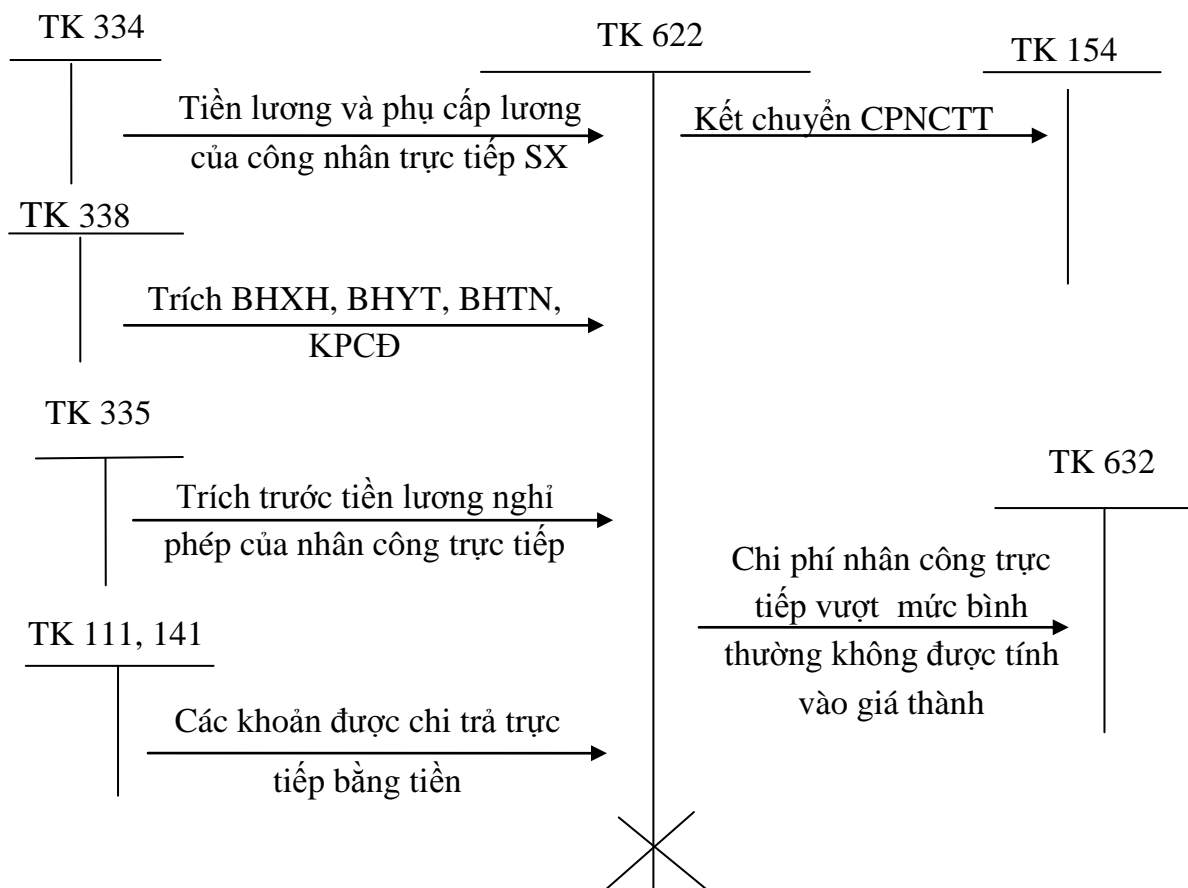
Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Nợ	TK 622	Có
-Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh		-Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành.
✕		

Tài khoản 622 cuối kỳ không có số dư.

Phương pháp hạch toán cụ thể được trình bày trên sơ đồ 1.2

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp**



**1.9.1.3 Hạch toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. Để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài

khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”, mở chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, dịch vụ.

Nợ	TK 627	Có
-Tập hợp chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh	-Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung. -Kết chuyển (hay phân bổ) chi phí sản xuất chung	
✱		

Tài khoản 627 cuối kỳ không có số dư do đã kết chuyển hay phân bổ hết cho các loại sản phẩm, dịch vụ, lao vụ và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

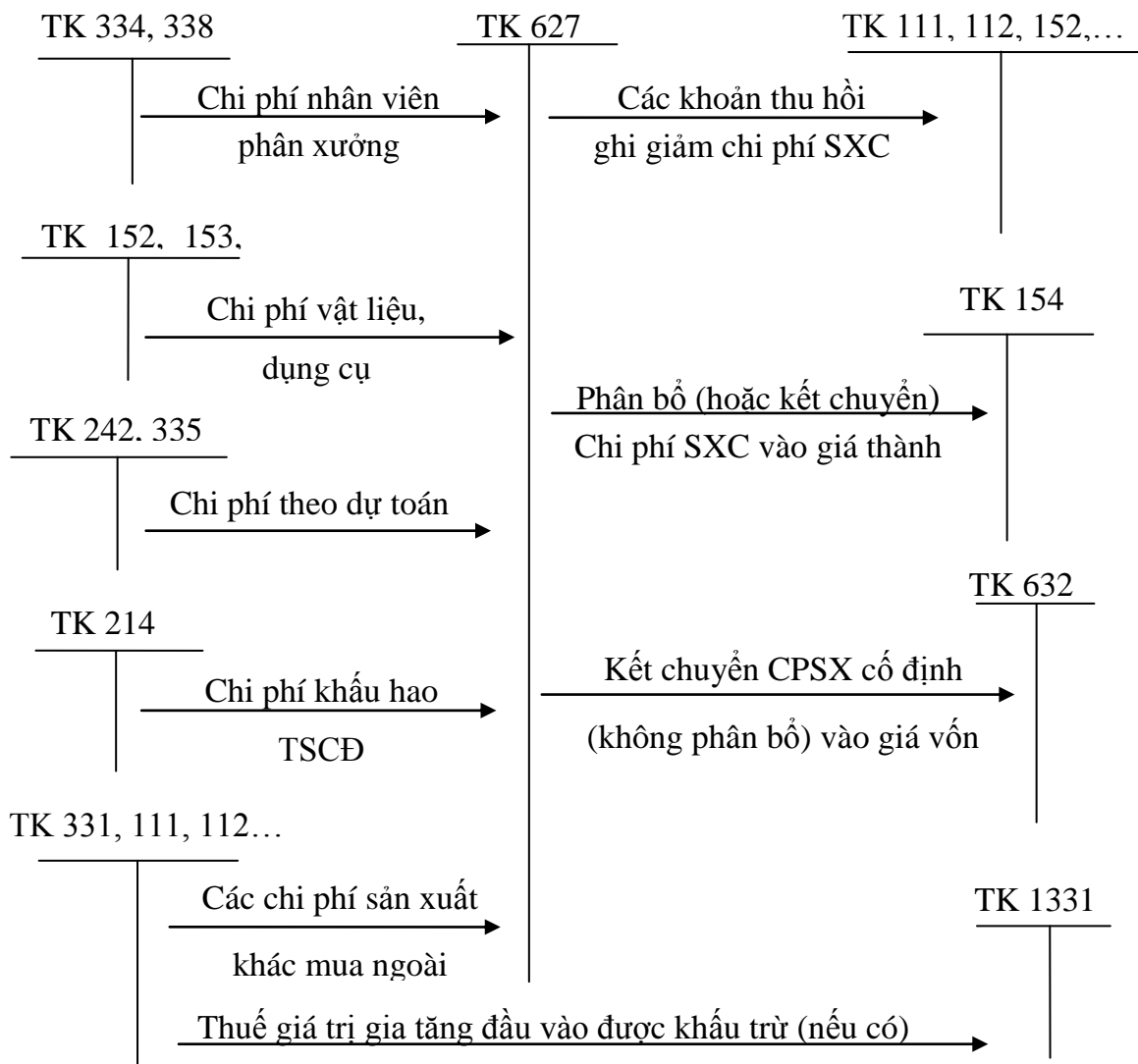
- 6271 “Chi phí nhân viên phân xưởng
- 6272 “Chi phí vật liệu
- 6273 “Chi phí dụng cụ sản xuất”
- 6274 “Chi phí khấu hao tài sản cố định”
- 6277 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- 6278 “Chi phí bằng tiền khác”

Ngoài ra, tùy yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp từng ngành, TK 627 có thể mở thêm một số TK cấp 2 khác để phản ánh một số nội dung hoặc yếu tố chi phí.

Do chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong phân xưởng nên cần thiết phải phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng (sản phẩm, dịch vụ) theo tiêu thức phù hợp (theo định mức, theo tiền lương công nhân sản xuất thực tế, theo số giờ làm việc thực tế của công nhân sản xuất...).

Toàn bộ quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung được khái quát qua sơ đồ 1.3

Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi phí sản xuất chung



1.9.1.4 Tổng hợp chi phí sản xuất

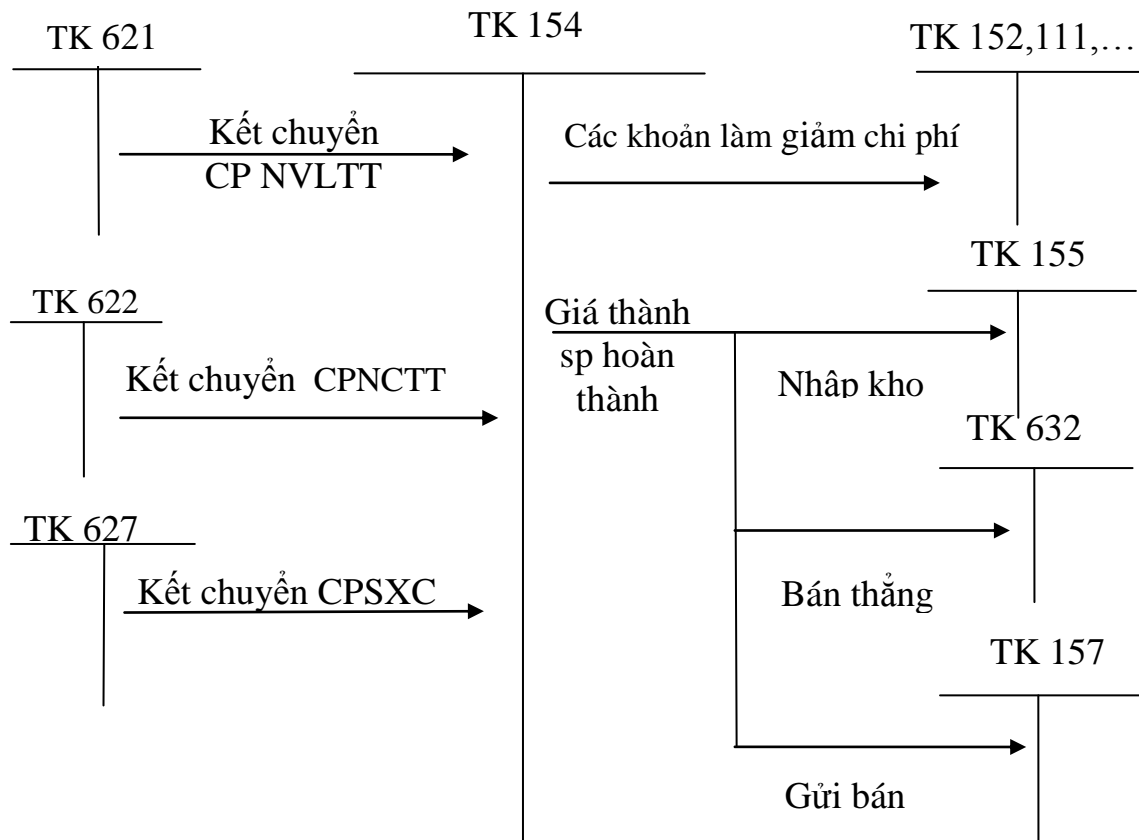
Sử dụng TK 154 để tổng hợp chi phí sản xuất, phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. TK 154 được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Nội dung phản ánh của tài khoản 154 “Chi phí sản xuất – kinh doanh dở dang” như sau:

Nợ	TK 154	Có
SDDK		
-Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh		-Các khoản ghi giảm chi phí sản phẩm. -Tổng giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.
SDCK		

*Dư Nợ*: chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ dở dang, chưa hoàn thành.  
 Quá trình tổng hợp chi phí sản xuất tiến hành như sau:

**Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Trong các doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho, tình hình tăng giảm chi phí không được ghi sổ thường xuyên, liên tục mà chỉ phản ánh được giá trị đầu kỳ và cuối kỳ trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ. Các TK 621 , 622, 627 vẫn được sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất nhưng TK 154 chỉ được sử dụng để phản ánh các giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, kế toán sử dụng TK 631.

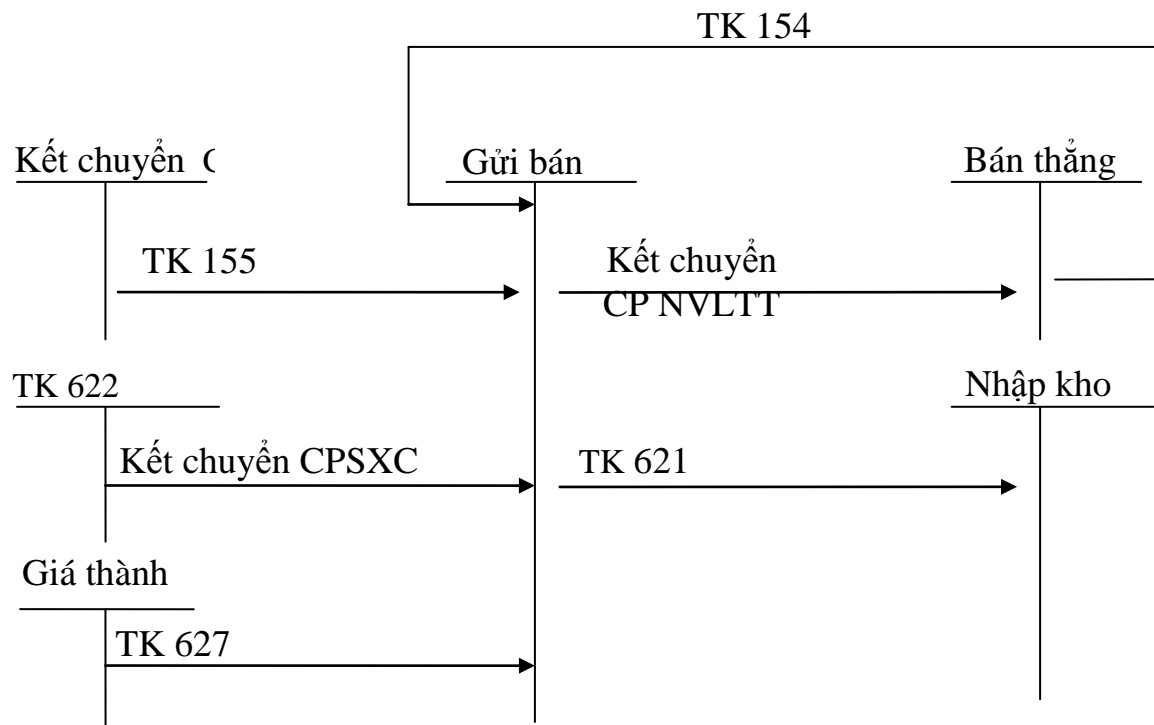
Nội dung phản ánh của tài khoản 631 - “Giá thành sản phẩm” như sau:

Nợ	TK 631	Có
-Kết chuyển giá trị SPDD đầu kỳ		- Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.
-Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ		- Tổng giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.



Tài khoản 631 cuối kỳ không có số dư.

**Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



### 1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

#### 1.10.1 Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng

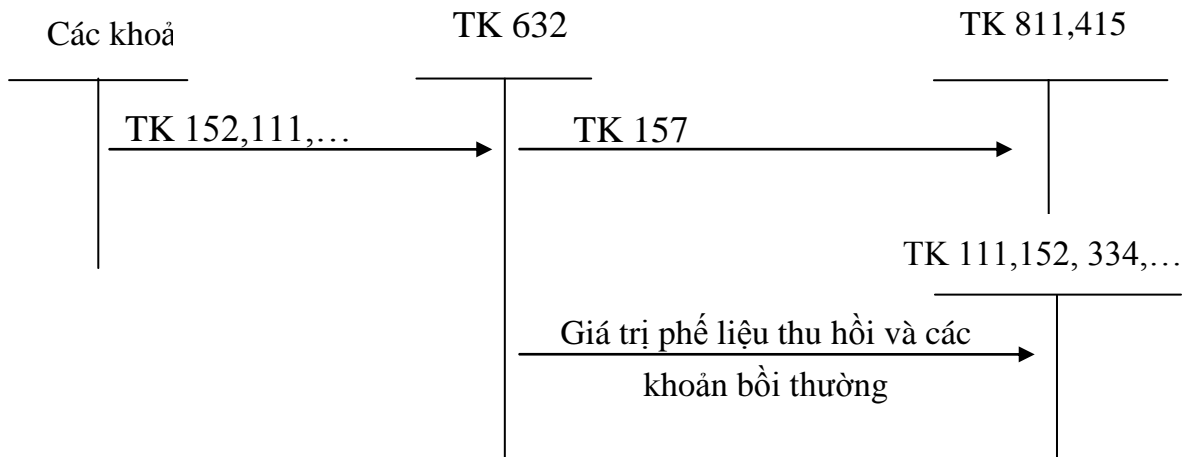
Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc đã sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan chất lượng, mẫu mã, quy cách. Những sai phạm này có thể do những nguyên nhân liên quan trình độ lành nghề, chất liệu vật liệu, tình hình trang bị kỹ thuật, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên...

*Phân loại sản phẩm hỏng:*

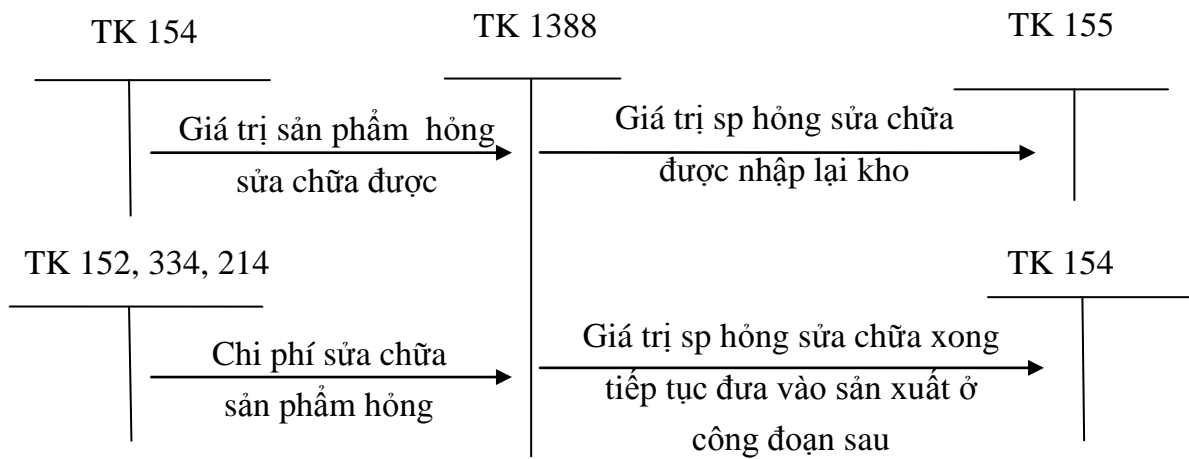
Theo mức độ hư hỏng của sản phẩm, sản phẩm hỏng được chia thành:

- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: là sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa được và chi phí sửa chữa thấp.
- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được là những sản phẩm hỏng mà về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc có sửa chữa được nhưng chi phí sửa chữa cao.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được

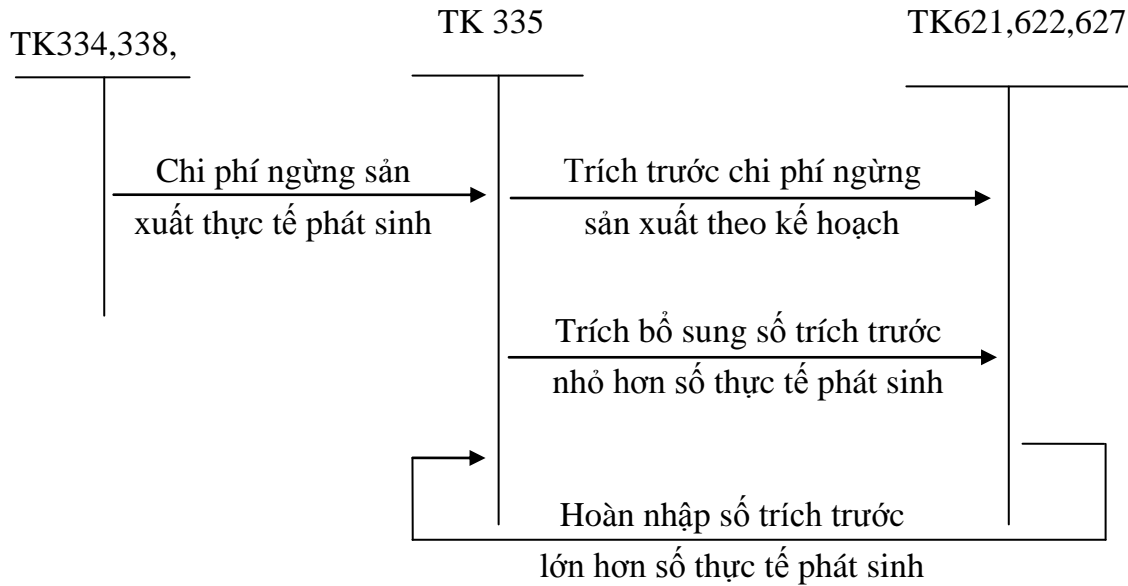


### 1.10.2 Kế toán thiệt hại ngừng sản xuất

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có thể xảy ra những khoảng thời gian phải ngừng sản xuất do các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan gây ra: thiết bị sản xuất bị hư hỏng, thiếu nguyên vật liệu, thiếu năng lượng, thiên tai, hỏa hoạn,... Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn phát sinh nhiều loại chi phí để bảo vệ tài sản, bảo đảm đời sống cho người lao động, duy trì các hoạt động các quản lý,... Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất không tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm nên về nguyên tắc không thể tính trong giá thành sản xuất sản phẩm mà đó là chi phí thời kỳ phải xử lý ngay trong kỳ kế toán.

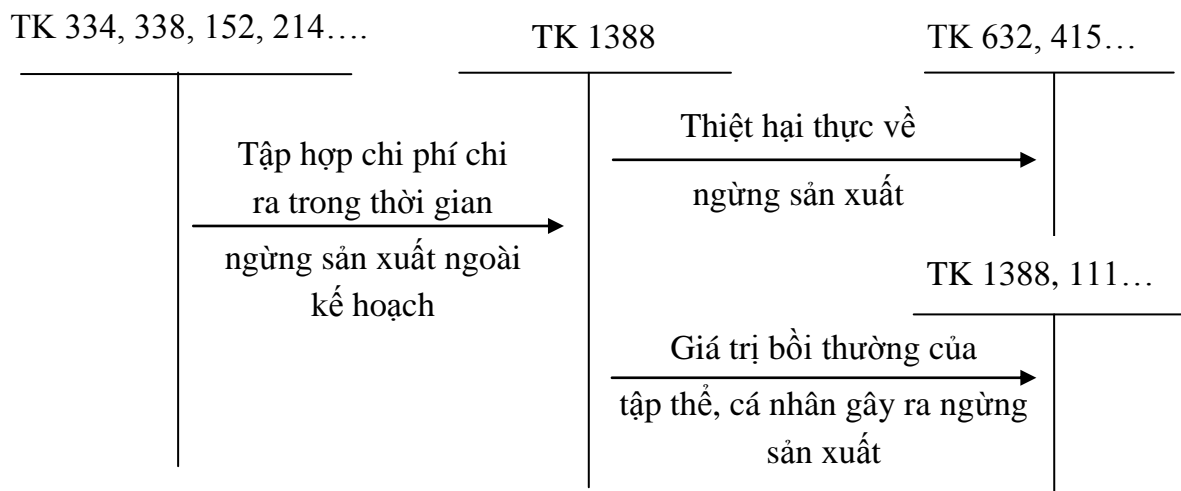
- ❖ Trường hợp ngừng sản xuất theo kế hoạch có tính chất tạm thời (do tính thời vụ, do để bảo dưỡng, sửa chữa máy móc,...) và doanh nghiệp có lập dự toán chi phí của thời gian ngừng sản xuất thì kế toán căn cứ vào dự toán để trích trước tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất có kế hoạch**



❖ Trường hợp ngừng sản xuất bất thường, các chi phí bỏ ra trong thời gian này do không được chấp nhận nên phải theo dõi riêng trên tài khoản 1388 (chi tiết thiệt hại về ngừng sản xuất) tương tự như hạch toán sản phẩm hỏng ngoài định mức nói trên. Cuối kỳ, sau khi trừ phần thu hồi (nếu có, do bồi thường), giá trị thiệt hại thực tế sẽ được tính vào giá vốn hàng bán, vào chi phí khác hay trừ vào quỹ dự phòng tài chính...

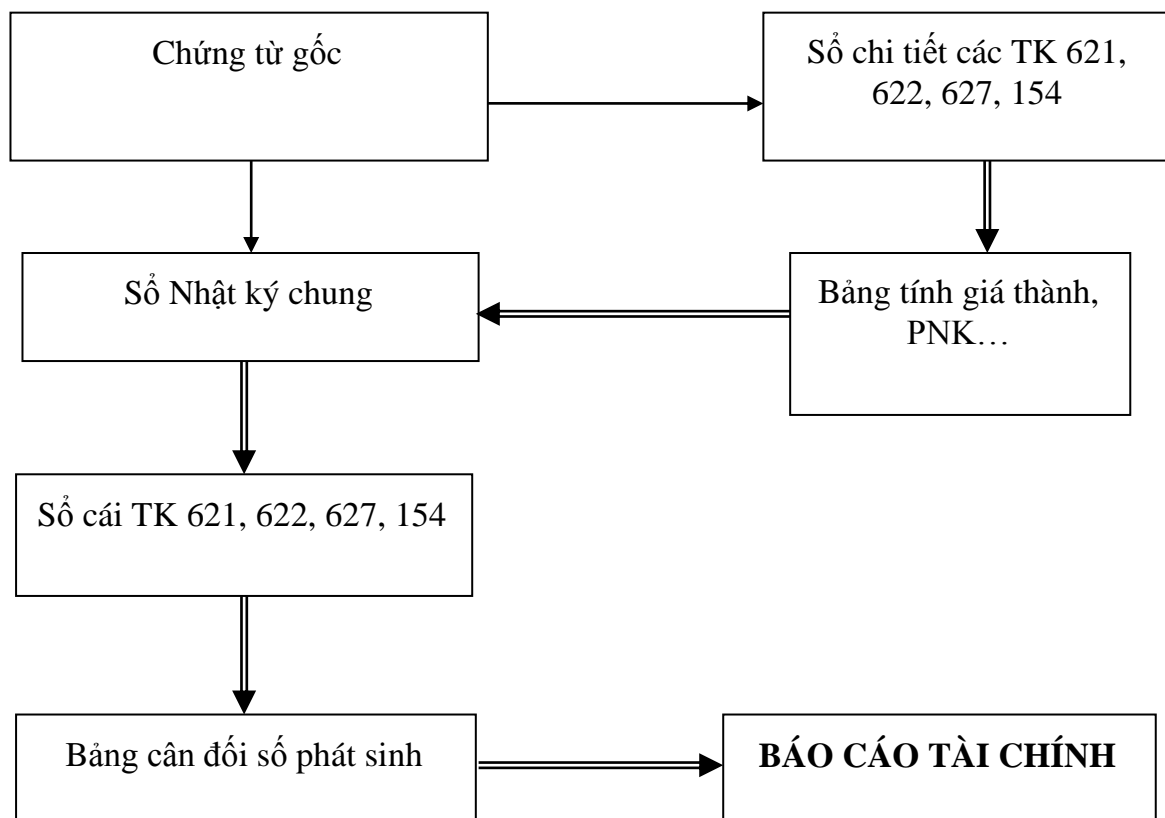
**Sơ đồ 1.9: Hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch**



**1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán**

**1.11.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

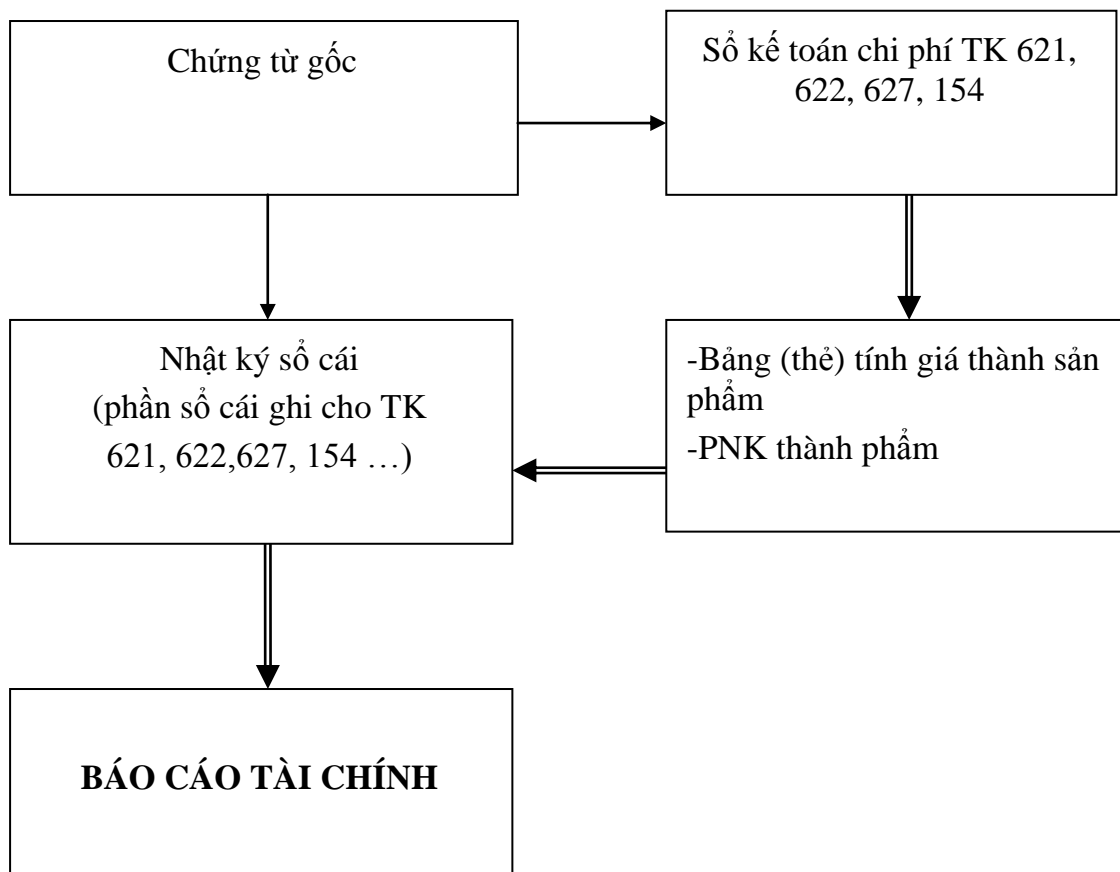
**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:                       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày  
     $\Longrightarrow$       Ghi định kỳ

1.11.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

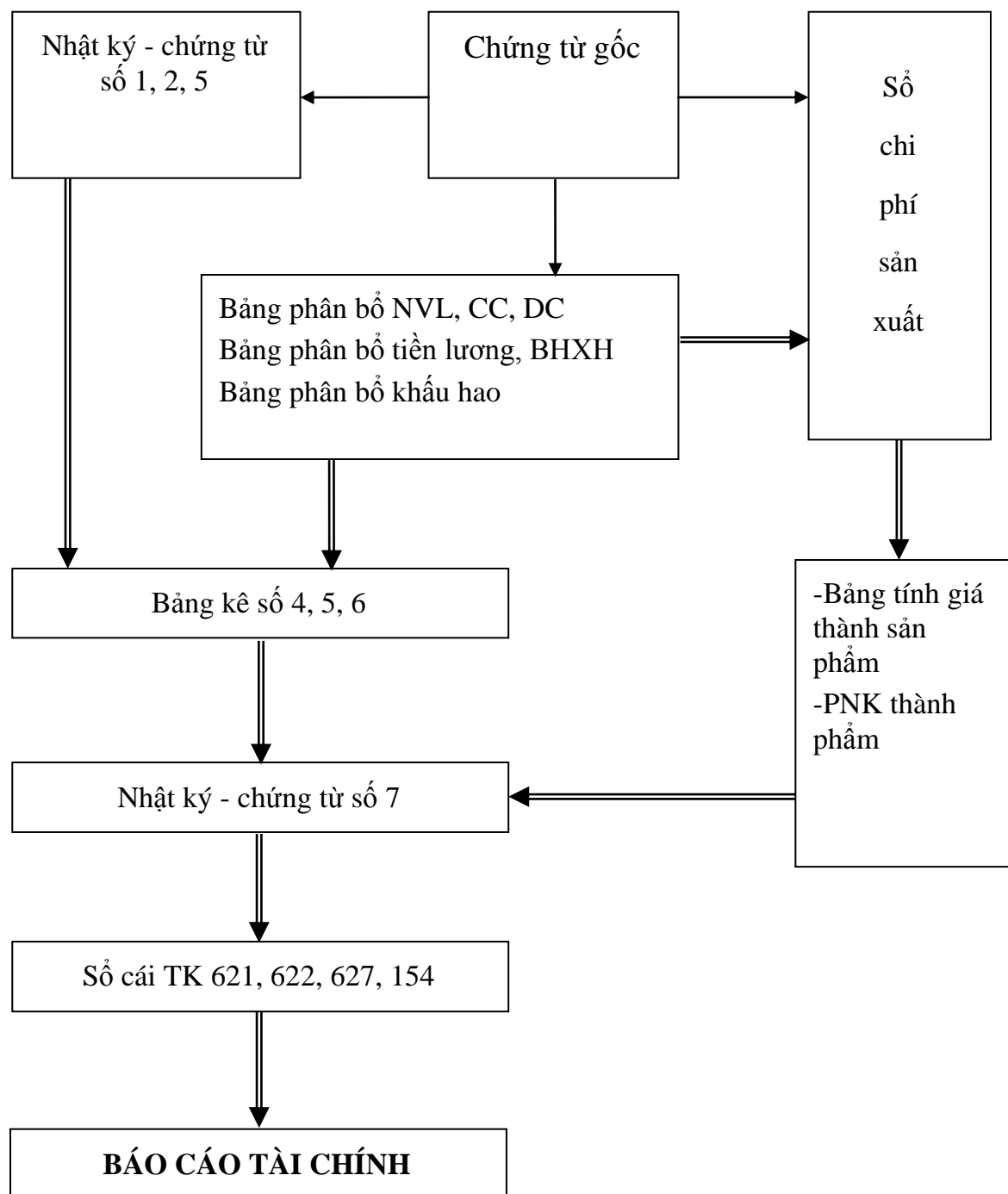


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ

1.11.3. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

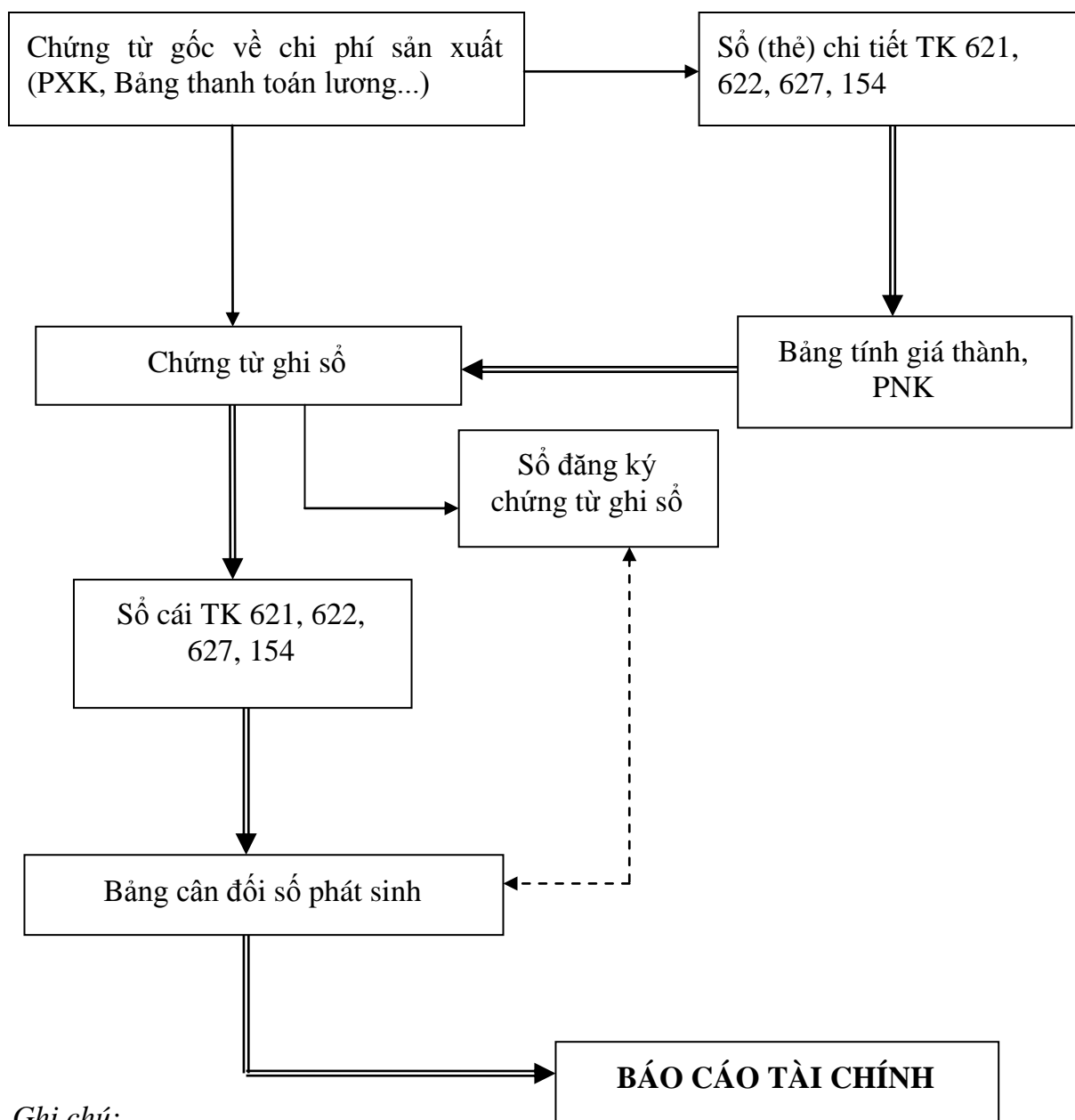
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ



Ghi chú       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày  
                   $\Longrightarrow$       Ghi định kỳ

1.11.4. Hình thức kế toán chứng từ - ghi sổ

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ – ghi sổ

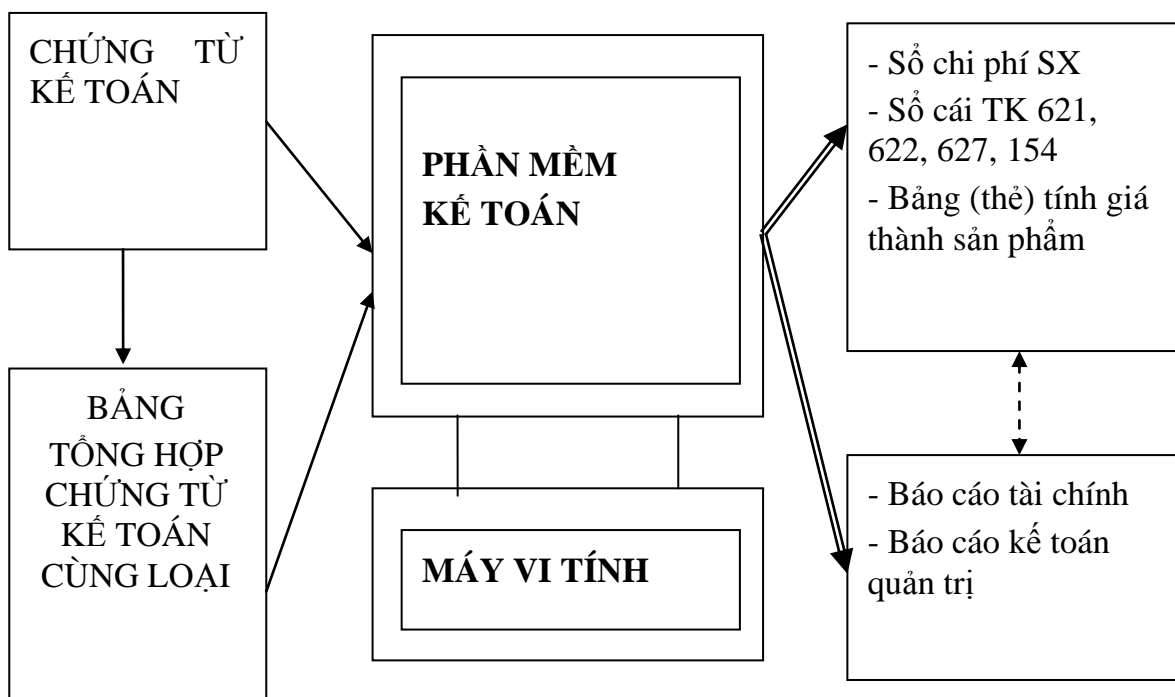


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối ngày
- - - -> Đối chiếu

1.11.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←-.-> Quan hệ đối chiếu



## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN**

#### **2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.**

##### **2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần May Trường Sơn.**

Công ty cổ phần may Trường Sơn được thành lập ngày 17 tháng 01 năm 2007 theo quyết định số 0702000736 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Là một công ty mới thành lập, công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ mọi mặt của Đảng, chính quyền địa phương trên con đường phát triển, hội nhập nên thời gian gần đây, các hoạt động sản xuất của công ty tương đối khả quan. Công ty đã có nhiều nỗ lực không ngừng cho sự phát triển toàn diện và đang có kế hoạch gia tăng sản lượng cho những năm tới, cố gắng xây dựng thương hiệu trên trường quốc tế.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Tên tiếng anh: TRUONG SON GARMENT JOIN STOCK COMPANY

Loại hình: Công ty cổ phần

Trụ sở Công ty: Tổ 8 – Phường Hòa Nghĩa – Quận Dương Kinh - Hải Phòng

Điện thoại: 0313815267.

Fax: 0313815259

Mã số thuế: 0202153049

Email: congtycophanmaytruongson

Tài khoản ngân hàng: 102010000973216- Ngân hàng VIETINBANK, chi nhánh Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Nguyễn Thị Bích Huyền

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Công ty Cổ phần May Trường Sơn chuyên cung cấp các loại sản phẩm , dịch vụ sau:

- May gia công hàng chất lượng cao cho các thương hiệu thời trang nổi tiếng trong và ngoài nước.

- Sản xuất hàng may mặc mang thương hiệu riêng theo đơn đặt hàng của khách hàng sỉ (như hệ thống siêu thị, bán lẻ), với yêu cầu chất lượng tốt và giá cả vừa phải.

- Thiết kế, sản xuất, kinh doanh hàng thời trang may mặc với chiến lược đa thương hiệu phục vụ các phân khúc tiêu dùng khác nhau từ phổ thông đến cao cấp.

- Kinh doanh nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành may mặc phục vụ sản xuất của công ty và các công ty khác trong ngành.

❖ Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây được thể hiện qua bảng sau:

***Bảng 2.1:*** Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.128.354.287	28.587.658.120	31.275.658.234
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.128.354.287	28.587.658.120	31.275.658.234
3	Giá vốn hàng bán	18.524.156.875	25.289.685.327	26.848.567.625
4	Lợi nhuận thuần	1.280.567.146	2.176.875.642	2.478.234.256
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.835.256.348	2.752.358.792	3.052.358.163

(Nguồn: Phòng kinh doanh của công ty)

Qua bảng trên ta thấy tất cả các chỉ tiêu đều tăng so với năm trước. Điều đó chứng tỏ doanh nghiệp đã rất chú trọng đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất. Đặc biệt doanh nghiệp cũng quan tâm đến việc nghiên cứu sản phẩm sao cho phù hợp với nhu cầu thị trường và tiết kiệm chi phí hạ được giá thành sản phẩm. Đây là hướng đi đúng đắn của công ty và cần phát huy trong thời gian tới.

### ***2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.***

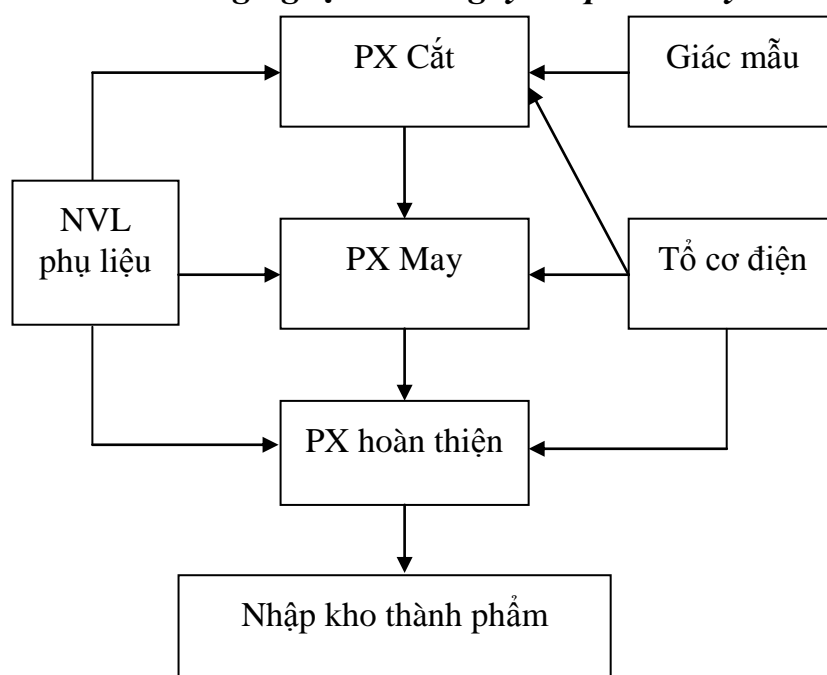
#### ***a) Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất***

Công ty cổ phần May Trường Sơn là công ty chủ yếu gia công và sản xuất các sản phẩm hàng may mặc theo quy trình công nghệ khép kín với các loại máy móc chuyên dụng. Tính chất sản xuất của công ty là tính chất sản xuất phức tạp, kiểu liên tục, loại hình sản xuất hàng loạt với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất phụ thuộc vào từng mã hàng cụ thể nhưng nhìn chung là sản xuất có chu kỳ ngắn. Mô

hình sản xuất của công ty là các phân xưởng, trong đó bao gồm nhiều tổ, đội đảm bảo chức năng và nhiệm vụ cụ thể khác nhau nhằm phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất của công ty.

**b) Quy trình công nghệ sản xuất**

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ công nghệ của công ty Cổ phần May Trường Sơn**



(Nguồn: Phòng kế hoạch - vật tư của công ty)

Trên cơ sở mẫu mã, thông số theo yêu cầu của khách hàng, phòng kỹ thuật sẽ ra mẫu, may sản phẩm mẫu và chuyển mẫu cho phân xưởng cắt. Tại đây công nhân lần lượt thực hiện các công việc: trải vải, đặt mẫu kỹ thuật và cắt tạo thành bán thành phẩm, sau đó đánh số, phối kiện chuyển giao cho phân xưởng may.

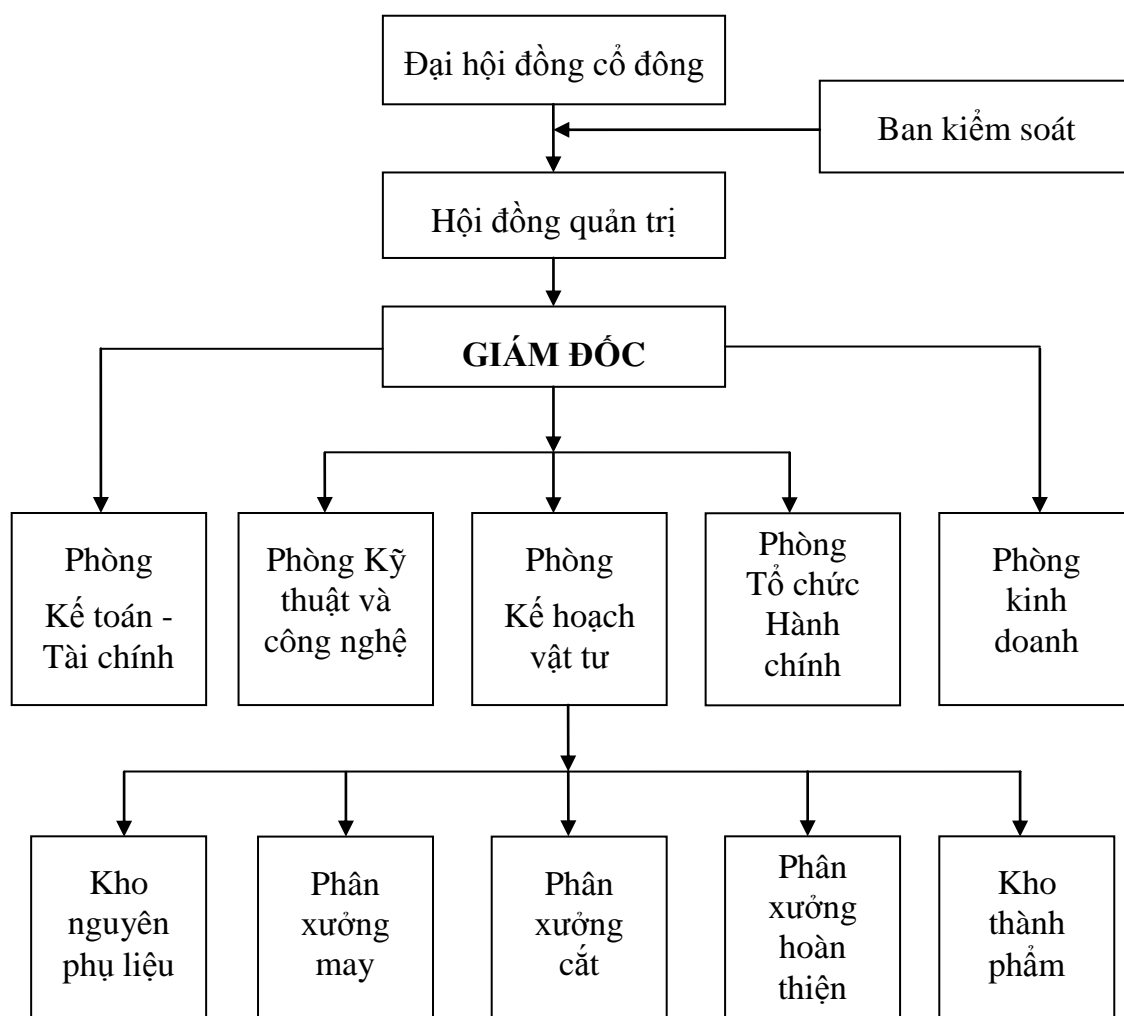
Ở phân xưởng may, tại đây các công nhân thực hiện các công việc: chắp lốt, trần bông, giáp vai, may cổ, may nẹp, măng séc... được tổ chức thành dây chuyền.

Bước cuối cùng của dây chuyền là sản phẩm hoàn thành khi may, phải sử dụng các phụ liệu như khóa, chỉ, chun, cúc... may xong chuyển giao phân xưởng hoàn thiện.

Ở xưởng hoàn thiện sẽ tiến hành các bước: là hơi, kiểm tra chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn đã ký kết trong hợp đồng, sau đó đóng gói sản phẩm và cuối cùng nhập kho thành phẩm.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty cổ phần may Trường Sơn



(Nguồn: Phòng Tổ chức Hành chính của công ty)

Chức năng các phòng ban trong cơ cấu tổ chức của công ty

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, do đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty trước pháp luật để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của tổng giám đốc, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính, kiểm soát, giám sát hội đồng quản trị, giám đốc điều hành trong việc chấp hành điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

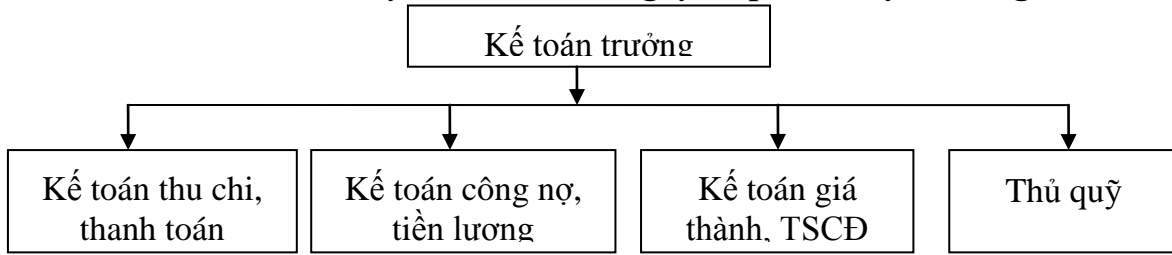
- Giám đốc: Là người đứng đầu công ty, có trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty. Là người có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty.
- Phòng Tài chính - Kế toán: có nhiệm vụ giải quyết những mối quan hệ tài chính hình thành trong quá trình tuần hoàn luân chuyển vốn trong sản xuất và kinh doanh; tổ chức hạch toán các nghiệp vụ mua bán, thanh toán công nợ, thanh toán với ngân hàng nhà nước, phân phối lợi nhuận; quản lý vốn, tài sản, hàng hóa, chi phí bằng cách theo dõi, phản ánh chính xác sự biến động cũng như các đối tượng đó. Hướng dẫn các bộ phận trong việc thanh toán, chế độ biểu mẫu, sổ sách theo dõi đúng quy định.
- Phòng kế hoạch vật tư: có chức năng lập kế hoạch sản xuất, theo dõi các mã hàng, làm các thủ tục xuất hàng, quản lý các kho hàng của công ty. Theo dõi tình hình vật tư nhập về công ty theo từng đơn hàng đảm bảo kế hoạch sản xuất và tiến độ giao hàng.
- Phòng tổ chức Hành chính: Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, quản lý nhân sự.
- Phòng kỹ thuật và công nghệ: có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp thay thế máy móc thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao hơn, tham gia giám sát hoạt động đầu tư về máy móc, thiết bị của công ty và các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.
- Phòng kinh doanh: Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường. Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, tham mưu cho ban lãnh đạo trong công ty định hướng kinh doanh, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại. Giao dịch và đàm phán với khách hàng.

#### ***2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn.***

##### ***a) Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn:***

Bộ máy kế toán của công ty Cổ phần May Trường Sơn được tổ chức theo mô hình tập trung:

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn

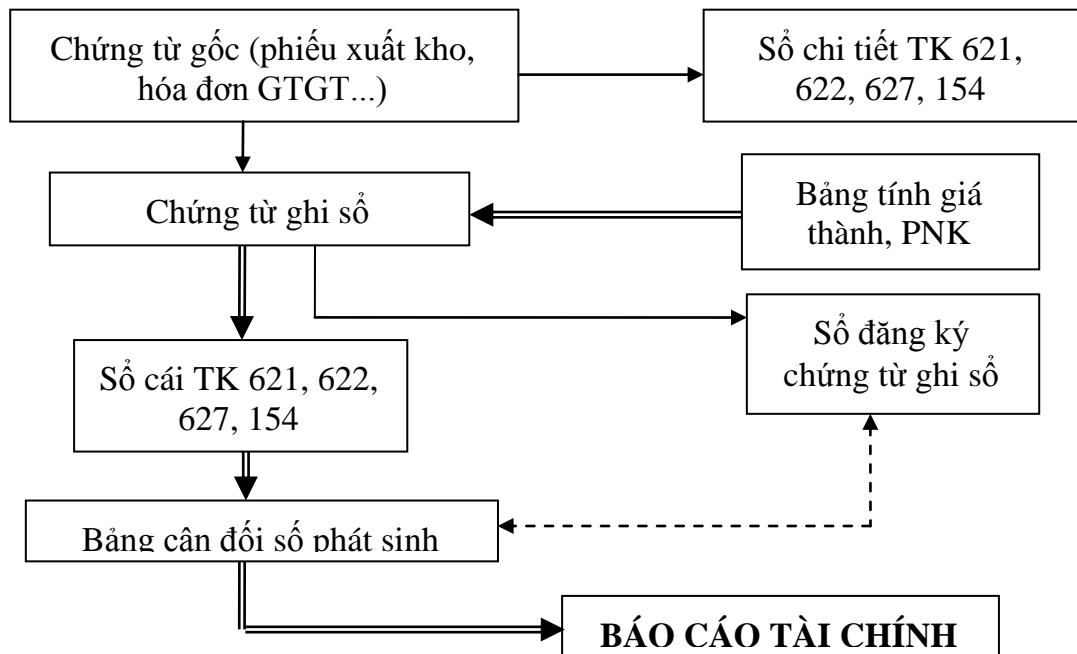


(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của công ty)

b) Chính sách kế toán chủ yếu áp dụng tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn:

- Chế độ kế toán công ty áp dụng theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01/01, kết thúc 31/12.
- Đơn vị tiền tệ để ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ
- Nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn
- Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ – ghi sổ tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn:



Ghi chú:   
 → Ghi hàng ngày   
 ==> Ghi cuối ngày   
 ←---> Đối chiếu

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn**

### **2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất**

Công ty Cổ phần May Trường Sơn phân loại chi phí sản xuất theo 3 khoản mục như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng được sử dụng cho quá trình gia công và sản xuất hàng may mặc của công ty. Các loại vật liệu sử dụng phục vụ cho sản xuất thường được mua từ bên ngoài về nhập kho.
- Chi phí nhân công trực tiếp: chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản tiền lương, tiền công được trả theo số ngày công của công nhân trực tiếp sản xuất tại phân xưởng. Số ngày công bao gồm cả lao động chính, lao động phụ và cả công tác chuẩn bị hoàn thiện sản phẩm. Bao gồm tiền lương chính, phụ cấp, tiền lương làm thêm giờ.
- Chi phí sản xuất chung: chi phí sản xuất chung được tính trong giá thành sản phẩm bao gồm những chi phí phục vụ cho quá trình sản xuất chung mang tính chất chung của toàn phân xưởng.

Các chi phí trên phát sinh ở các phân xưởng sản xuất với tính chất chi phí phát sinh chung cho mọi sản phẩm, do đó để hạch toán chi tiết xác định chi phí sản xuất chung cho từng sản phẩm, kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

### **2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm**

#### **❖ Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:**

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty, từ đặc thù của sản phẩm sản xuất và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được xác định là sản phẩm.

#### **❖ Đối tượng tính giá thành sản phẩm:**

Việc xác định đối tượng tính giá thành có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác kế toán tính giá thành sản phẩm. Để xác định đúng đối tượng tính giá thành, kế toán căn cứ vào đặc điểm sản xuất của công ty cũng như các loại sản phẩm và tính chất của các loại sản phẩm mà công ty sản xuất. Công ty đã xác định đối tượng tính giá thành là thành phẩm.

### **2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm**

#### **❖ Kỳ tính giá thành:**

Căn cứ vào tình hình cụ thể của công ty thì kỳ tính giá thành là theo tháng. Việc xác định như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty, đảm bảo tính giá thành một cách kịp thời, nhanh chóng, cung cấp thông tin cho lãnh đạo trong công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được hiệu quả.

❖ Phương pháp tính giá thành:

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, yêu cầu quản lý sản xuất và giá thành... công ty đã lựa chọn tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn).

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị thực} \\ \text{tế của sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

#### **2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn**

Để minh họa cho dòng chảy số liệu, bài viết trích dẫn số liệu của sản phẩm áo Veston nam 2 ve xuôi.

##### **2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn**

\* Hệ thống chứng từ: phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT (đối với trường hợp mua hàng xuất thẳng cho phân xưởng sản xuất), các chứng từ khác có liên quan.

\* Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, được chi tiết cho từng mặt hàng mà doanh nghiệp sản xuất.

\* Sổ sách sử dụng: chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 621, sổ chi tiết TK 621...

**Ví dụ:** Ngày 28/02/2014, Công ty Cổ phần May Trường Sơn nhận được 1 đơn đặt hàng sản xuất 500 chiếc áo Veston nam 2 ve xuôi (mã sản phẩm: VEST\_N2X).

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, ngày 1/3/2014 doanh nghiệp mua 160,475 kg vải cashmere tím than của công ty Vải sợi Hoàng Long về nhập kho với giá 495.746 đồng/kg (chưa có thuế VAT 10%) theo hóa đơn GTGT số 0004603 (bảng 2.2)



**Bảng 2.2: Hóa đơn GTGT mua NVL**

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty cổ phần may Trường Sơn)

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Kí hiệu: AA/13P		
Liên 2: giao cho người mua			Số 0004603		
Ngày 01 tháng 03 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY VẢI SỢI HOÀNG LONG					
Địa chỉ: Nhà A5 khu đô thị Đại Kim – Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội					
Số tài khoản: 01021996200					
Điện thoại: .....			Mã số thuế: 0100803999		
Họ tên người mua hàng: Vũ Thị Hà					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn					
Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Mã số thuế: 0202153049		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Vải cashmere tím than	Kg	160,475	495.746	79.554.839
Cộng tiền hàng:					79.554.839
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		7.955.484	
Tổng cộng tiền thanh toán:					87.510.323
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn ba trăm hai mươi ba đồng.					
Người mua hàng			Ngày 01 tháng 03 năm 2014		
(Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

➤ Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0004603 kế toán lập phiếu nhập kho số 127 (bảng 2.3):

**Bảng 2.3: Phiếu nhập kho số 127**

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

**Mẫu số: 01 – VT**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Hải Phòng Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**      Số: 127  
Ngày 01 tháng 03 năm 2014    Nợ:152  
Có:331

Họ và tên người giao: Vũ Thị Hà

Theo hóa đơn GTGT số 0004603 ngày 01 tháng 03 năm 2014 của Công ty vải sợi Hoàng Long

Nhập tại kho: Kho số 1

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Vải cashmere tím than	A1_THAN	Kg	160,475	160,475	495.746	79.554.839
-----							
	Cộng	x	x	x	x	x	79.554.839

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy mươi chín triệu năm trăm năm mươi tư nghìn tám trăm ba mươi chín đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 01 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người giao hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

➤ Căn cứ vào phiếu nhập kho số 127, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 152 như bảng 2.4.

**Bảng 2.4: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)**

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn  
Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - Hải Phòng

**Mẫu số: S10-DN**  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

**Tài khoản: 152**

**Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ hàng hóa: Vải cashmere tím than (A1\_THAN)**

**Tháng 03 năm 2014**

**Đơn vị tính: Kg**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<b><u>Tồn đầu kỳ</u></b>							<u>100,615</u>	<u>49.879.484</u>
PNK127	01/03	Mua vải cashmere tím than	331	495.746	160,475	79.554.839			261,090	129.434.323
PXK135	03/03	Xuất vải cashmere tím than cho bộ phận sản xuất	621	495.746			208,167	103.197.958	52,923	26.236.365
		Cộng phát sinh			160,475	79.554.839	208,167	103.197.958		
		<b><u>Tồn cuối kỳ</u></b>							<u>52,923</u>	<u>26.236.365</u>

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(Kí, họ tên, đóng dấu)

➤ Căn cứ vào lệnh xuất vật tư cấp trên đã ký kế toán viết phiếu xuất kho số 135 (bảng 2.5)

**Bảng 2.5: Phiếu xuất kho số 135**

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: 02 – VT**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**      *Số: 135*

Ngày 03 tháng 03 năm 2014      *Nợ: 621*

*Có: 152*

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hường
- Địa chỉ (bộ phận): Thu phát - Bộ phận may VEST
- Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất áo Vest, mã hàng: VEST\_N2X
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho số 1

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Vải cashmere tím than	A1_THAN	Kg	208,167	208,167	495.746	103.197.958
2	Vải lót lụa tím than	A1.L_THAN	Kg	196,305	196,305	318.409	62.505.279
3	Chỉ PE 60/3 tím than	C_PE60/3	Cuộn	167	167	17.547	2.930.349
4	Cúc áo (d=2cm)	CUC_2cm	Hộp	50	50	10.000	500.000
5	Đệm vai	DEM_VAI	Túi	20	20	100.000	2.000.000
6	Méch vải	MECH	Kg	76,459	76,459	26.044	1.991.298
	Cộng	-	-	-	-	-	173.124.884

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ ):

*Ngày 03 tháng 03 năm 2014*

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

Căn cứ vào sổ chi tiết vật liệu mở cho vải cashmere tím than-A1\_THAN (bảng 2.4), kế toán xác định trị giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau:

- Số nguyên vật liệu dư đầu tháng là 100,615 kg với đơn giá 495.746 đồng/kg
- Ngày 1/3/2014 nhập 160,475 kg vải A1\_THAN với đơn giá 495.746 đồng/kg
- Ngày 3/3/2014 xuất 208,167 kg vải A1\_THAN cho sản xuất:

$$\text{Đơn giá bình quân của vải A1_THAN cuối ngày 1/3} = \frac{100,615 \times 495.746 + 160,475 \times 495.746}{100,615 + 160,475} = 495.746 \text{ (đồng)}$$

Trị giá xuất kho vải A1\_THAN ngày 3/3 = 208,167 x 495.746 = 103.197.958(đồng)

➤ Căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Bảng 2.6)

**Bảng 2.6:** Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn  
Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - Hải Phòng

**Mẫu số: S36-DN**  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621)

Tên phân xưởng: Phân xưởng sản xuất

Tên sản phẩm: Áo Vest nam 2 ve xuôi, mã: VEST\_N2X

Tháng 3 năm 2014

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 621		
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra	
						Vật liệu chính	Vật liệu phụ
<b>31/03</b>	<b>PXK 135</b>	<b>03/03</b>	<b>Xuất vải cashmere tím than</b>	<b>152</b>	<b>103.197.958</b>	<b>103.197.958</b>	
31/03	PXK 135	03/03	Xuất vải lót lụa tím than	152	62.505.279	62.505.279	
31/03	PXK 135	03/03	Chỉ PE 60/3 tím than	152	2.930.349		2.930.349
31/03	PXK 135	03/03	Đệm vai	152	2.000.000		2.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh trong tháng		173.124.884	165.703.237	7.421.647
			Ghi Có TK 621	154	173.124.884	165.703.237	7.421.647

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty cổ phần May Trường Sơn)

➤ Cuối tháng căn cứ vào các phiếu xuất kho, kế toán lập bảng tổng hợp xuất vật tư cho sản xuất (bảng 2.7)

**Bảng 2.7:** Bảng tổng hợp chi phí NVL trực tiếp

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần May Trường Sơn)

**BẢNG TỔNG HỢP XUẤT VẬT TƯ CHO SẢN XUẤT**

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621)

Tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Tổng
1	PXK 135	VEST_N2X	173.124.884
2	PXK139	KHOAC_1K	104.110.423
3	PXK 141	QUAN_AU	37.445.880
4	PXK 142	SOMI_N	49.488.335
	<b>Cộng</b>		<b>364.169.522</b>

➤ Căn cứ vào bảng tổng hợp xuất vật tư cho sản xuất, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 221 (bảng 2.8)

**Bảng 2.8:** Chứng từ ghi sổ số 221

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02a-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số 221**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Xuất vật tư cho sản xuất sản phẩm	621	152	364.169.522
<b>Cộng</b>			<b>364.169.522</b>

Kèm theo Bảng tổng hợp xuất vật tư cho sản xuất.

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*(đã ký)*

*(đã ký)*

➤ Để có số hiệu và ngày tháng, kế toán tiến hành đăng ký chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký như bảng 2.9

**Bảng 2.9:** Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 3/2014

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty Cổ phần May Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
....	....	.....
<b>221</b>	<b>31/03/2014</b>	<b>364.169.522</b>
....	....	.....
225	31/03/2014	975.781.120
226	31/03/2014	121.250.362
227	31/03/2014	24.892.542
228	31/03/2014	166.234.551
229	31/03/2014	60.823.041
230	31/03/2014	1.374.835.462
231	31/03/2014	647.997.345
....	....	.....
Cộng		5.234.658.506

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)



Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 221 kê toán ghi vào sổ cái TK 621 như bảng 2.10

**Bảng 2.10:** Sổ cái TK 621

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Mẫu số: S02c1-DN

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Hải Phòng Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

(Trích tháng 3 năm 2014)

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng</b>			
31/03	221	31/03	Xuất vật tư cho sản xuất sản phẩm	152	364.169.522	
31/03	230	31/03	K/c chi phí NVL trực tiếp	154		364.169.522
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		364.169.522	364.169.522
			<b>Số dư cuối tháng</b>		x	x

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

**2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn**

\* Hệ thống chứng từ: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương,...

\* Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp dùng trong kỳ.

\* Sổ sách sử dụng: để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kê toán dùng chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 622,...

\* Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:

❖ Các khoản trích theo lương năm 2014 được quy định như sau:

Khoản mục	Doanh nghiệp	Người lao động	Tổng cộng
BHXH	18%	8%	26%
BHYT	3%	1,5%	4,5%
KPCĐ	2%	–	2%
BHTN	1%	1%	2%
Cộng	24%	10,5%	34,5%

Công ty áp dụng 2 hình thức trả lương cho người lao động:

❖ Hình thức trả lương theo thời gian (áp dụng với cán bộ quản lý, nhân viên không trực tiếp sản xuất sản phẩm):

Là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế. Tiền lương thời gian được tính như sau:

$$\text{Lương thời gian} = \frac{\text{Lương theo hợp đồng}}{26 \text{ ngày}} \times \text{Ngày công thực tế đi làm}$$

❖ Hình thức tiền lương theo sản phẩm (áp dụng đối với công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm):

➤ Lương 1 tổ:  $\sum S = Q \times P$

Trong đó:  $\sum S$ : Tổng lương sản phẩm của tổ

Q: Khối lượng sản phẩm hoàn thành của 1 tổ

P: Đơn giá quy định

➤ Lương sản phẩm 1 người:  $S = \frac{\sum S}{\sum C} \times C$

Trong đó: S: lương sản phẩm 1 người

C: số công 1 người

$\sum C$ : Tổng ngày công của tổ

Trong tháng 03/2014 tổ A – phân xưởng sản xuất hoàn thành nhập kho 82 chiếc áo Vest nam 2 ve xuôi với đơn giá khoán là 1.225.398 đồng/chiếc. Tổ có 47 công nhân trực tiếp sản xuất. Dựa vào bảng chấm công ta có lương của 1 công nhân trực tiếp sản xuất như sau:

Công nhân Nguyễn Nhật Lệ với 26 ngày công có mức lương theo sản phẩm là:

$$\text{Lương} = \frac{82 \times 1.225.398}{1219} \times 26 = 2.143.190 \text{ đồng/người}$$

Trong tháng doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau và tùy vào giá khoán sản phẩm của từng loại để tính lương cho công nhân. Tháng 3 tổ A cũng đã hoàn thành và nhập kho các mặt hàng sau: 69 chiếc áo khoác da 1 khóa (đơn giá khoán: 625.587 đồng/chiếc), 51 chiếc quần âu (đơn giá khoán: 295.132 đồng/chiếc), 107 chiếc áo sơ mi nam (đơn giá khoán: 405.653 đồng/chiếc).

Vậy tổng số tiền lương trong tháng 3 công nhân Nguyễn Nhật Lệ nhận được là:

$$\text{Lương} = \frac{(69 \times 625.587 + 51 \times 295.132 + 107 \times 405.653) \times 26}{1219} + 2.143.190 = 4.310.670 \text{ (đồng)}$$

Các khoản trích theo lương được tính trên lương tối thiểu vùng năm 2014, cộng thêm 7% tay nghề lao động.

Năm 2014 lương tối thiểu của người lao động tại Dương Kinh – Hải Phòng thuộc khu vực I nên có mức thu nhập trung bình là 2.700.000. Vậy các khoản trích theo lương trích trên số tiền là:

$$2.700.000 + 2.700.000 \times 7\% = 2.889.000 \text{ đồng}$$

Các khoản trích theo lương tính vào lương của công nhân Lệ gồm có các khoản trích sau:

+	BHXH:	2.889.000 x 8%	= 231.120 đồng
+	BHYT:	2.889.000 x 1,5%	= 43.335 đồng
+	BHTN:	2.889.000 x 1%	= 28.890 đồng

Vậy tiền lương thực lĩnh của chị Lệ trong tháng 3 là:

$$4.310.670 - (231.120 + 43.335 + 28.890) = 4.007.325 \text{ đồng.}$$

➤ Hàng ngày, trưởng các bộ phận chấm công của cán bộ công nhân viên thông qua bảng chấm công (bảng 2.11)

**Bảng 2.11:** Bảng chấm công tháng 3 của Tổ A – Bộ phận sản xuất

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Trường Sơn – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

Mẫu số 01a – LĐTL

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CHẤM CÔNG**  
(tháng 03 năm 2014)  
**Tổ A – Bộ phận sản xuất**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY TRONG THÁNG																															Tổng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
			T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	
01	Trần Văn An	TỔ TRƯỞNG	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	26		
	...																																	
46	Vũ Thị Mai	CNSX	x		x	P	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	25		
47	Nguyễn Nhật Lệ	CNSX	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	26		
<b>Tổng ngày công</b>			47		47	46	47	47	47	46		47	47	47	47	47		46	47	47	47	47	47		47	47	47	47	47	47		<b>1.219</b>		

KÝ HIỆU CHẤM CÔNG

Lương sản phẩm: x

Lương thời gian: +

Nghỉ bù: B

Nghỉ phép: P

Nghỉ không lương: Ro

Người chấm công

Phụ trách bộ phận

Người duyệt

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán lập Bảng thanh toán lương và các khoản trích theo lương cho công nhân viên công ty như bảng 2.12

**Bảng 2.12:** Bảng thanh toán lương tháng 3 của Tổ A – Bộ phận sản xuất

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Trường Sơn – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

Mẫu số 02 – LĐTL

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

Tháng 3 năm 2014

Tổ A - Bộ phận sản xuất

STT	Họ tên	Chức danh	Số công	Lương thực tế	Lương trích bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (10,5%)	Thực lĩnh
1	Trần Văn An	Tổ trưởng	26	5.510.670	2.889.000	303.345	5.207.325
2	Nguyễn Lan Linh	Công nhân	26	4.310.670	2.889.000	303.345	4.007.325
3	Vũ Thị Mai	Công nhân	25	4.114.876	2.889.000	303.345	3.811.531
4	Nguyễn Nhật Lệ	Công nhân	26	4.310.670	2.889.000	303.345	4.007.325
...	...	....	...	....	.....	....	.....
Cộng				185.299.998	135.783.000	14.257.215	171.042.783

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập

(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần May Trường Sơn)

➤ Từ bảng tính lương của các bộ phận, kế toán lập bảng trích các khoản theo lương tháng 3/2013 cho tổ A như bảng 2.13

**Bảng 2.13:** Bảng trích các khoản theo lương tháng 3 của Tổ A –Bộ phận sản xuất

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Trường Sơn –Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

Mẫu số 10 – LĐTL

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG**

Tháng 3 năm 2014

Tổ A – Bộ phận sản xuất

STT	Họ tên	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (10,5%)				Các khoản trích tính vào chi phí (24%)					Cộng (34,5%)
			BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (10,5%)	BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng (24%)	
1	Trần Văn An	2.889.000	231.120	43.335	28.890	303.345	520.020	86.670	28.890	57.780	693.360	996.705
2	Nguyễn Lan Linh	2.889.000	231.120	43.335	28.890	303.345	520.020	86.670	28.890	57.780	693.360	996.705
3	Vũ Thị Mai	2.889.000	231.120	43.335	28.890	303.345	520.020	86.670	28.890	57.780	693.360	996.705
4	Nguyễn Nhật Lệ	2.889.000	231.120	43.335	28.890	303.345	520.020	86.670	28.890	57.780	693.360	996.705
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng		135.783.000	10.862.640	2.036.745	1.357.830	14.257.215	24.440.940	4.073.490	1.357.830	2.715.660	32.587.920	46.845.135

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần May Trường Sơn)

➤ Từ bảng thanh toán lương và bảng trích các khoản theo lương, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương cho các bộ phận như bảng 2.14

**Bảng 2.14:** Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương tháng 3

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Trường Sơn – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

Tháng 3 năm 2014

S T T	Bộ phận	Lương thực tế phải trả	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trừ vào lương (10,5%)				Các khoản trích tính vào chi phí (24%)					Thực lĩnh
				BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (10,5%)	BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng (24%)	
I	Bộ phận SX	667.926.306	600.912.000	48.072.960	9.013.680	6.009.120	63.095.760	108.164.160	18.027.360	6.009.120	12.018.240	144.218.880	604.830.546
	<b>TỔ A</b>	<b>185.299.998</b>	<b>135.783.000</b>	<b>10.862.640</b>	<b>2.036.745</b>	<b>1.357.830</b>	<b>14.257.215</b>	<b>24.440.940</b>	<b>4.073.490</b>	<b>1.357.830</b>	<b>2.715.660</b>	<b>32.587.920</b>	<b>171.042.783</b>
	TỔ B	141.436.050	89.880.000	7.190.040	1.348.200	898.800	9.437.400	16.178.400	2.696.400	898.800	1.797.600	21.571.200	131.998.650
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
II	Bộ phận QLKD	61.300.540	25.680.000	2.054.400	385.200	256.800	2.696.400	4.622.400	770.400	256.800	513.600	6.163.200	58.604.140
III	Bộ phận BH	25.950.234	12.840.000	1.027.200	192.600	128.400	1.348.200	2.311.200	385.200	128.400	256.800	3.081.600	24.602.034
	<b>Cộng</b>	<b>755.177.080</b>	<b>639.432.000</b>	<b>51.154.560</b>	<b>9.591.480</b>	<b>6.394.320</b>	<b>67.140.360</b>	<b>115.097.760</b>	<b>19.182.960</b>	<b>6.394.320</b>	<b>12.788.640</b>	<b>153.463.680</b>	<b>688.036.720</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần May Trường Sơn)

➤ Từ bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm như bảng 2.15

**Bảng 2.15:** Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm tháng 3

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

Mẫu số 11 – LĐTL

(Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM**

**Tháng 03 năm 2014**

Đơn vị tính: đồng

STT	Ghi Có TK Đối tượng sử dụng (ghi Nợ các TK)	TK 334- Phải trả người lao động		TK 338- Phải trả phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương	Cộng Có TK 334	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng Có TK 338	
1	<b>TK 622</b>	667.926.306	667.926.306	108.164.160	18.027.360	6.009.120	12.018.240	144.218.880	<b>812.145.186</b>
2	TK 641	25.950.234	25.950.234	2.311.200	385.200	128.400	256.800	3.081.600	29.031.834
3	TK 642	61.300.540	61.300.540	4.622.400	770.400	256.800	513.600	6.163.200	67.463.740
4	TK 334	-	-	51.154.560	9.591.480	6.394.320	-	67.140.360	67.140.360
Cộng		755.177.080	755.177.080	166.252.320	28.774.440	12.788.640	12.788.640	220.604.040	975.781.120

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)



➤ Căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 225 như bảng 2.16

**Bảng 2.16:** Chứng từ ghi sổ số 225

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Mẫu số: S02a-DN

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số 225**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Trả lương công nhân viên bộ phận sản xuất	622	334	667.926.306
	641	334	25.950.234
	642	334	61.300.540
Trích các khoản trừ vào lương	622	338	144.218.880
	641	338	3.081.600
	642	338	6.163.200
Trích các khoản trừ vào thu nhập	334	338	67.140.360
<b>Cộng</b>			<b>975.781.120</b>

Kèm theo Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm.

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(đã ký)

(đã ký)

➤ Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 225 kế toán ghi vào Đăng ký chứng từ ghi sổ như bảng 2.9.

➤ Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 225 kế toán ghi vào sổ cái TK 622 như bảng 2.17

**Bảng 2.17:** Sổ cái TK 622

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02c1-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

(Trích tháng 3 năm 2014)

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng</b>			
31/03	225	31/03	Lương NCTT sản xuất	334	667.926.306	
31/03	225	31/03	Trích các khoản theo lương	338	144.218.880	
31/03	230	31/03	K/c chi phí NCTT	154		812.145.186
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		812.145.186	812.145.186
			<b>Số dư cuối tháng</b>		x	x

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

❖ Công ty phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho từng loại sản phẩm dựa vào tỷ lệ % chi phí NVLTT xuất dùng trong kỳ.

$$\begin{array}{l}
 \text{Mức CPNCTT} \\
 \text{phân bổ cho} \\
 \text{từng đối} \\
 \text{tượng}
 \end{array}
 = \frac{\text{Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \begin{array}{l}
 \text{Tổng} \\
 \text{CPNCTT} \\
 \text{cần phân} \\
 \text{bổ}
 \end{array}$$

$$\text{Mức CPNCTT phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times$$

➤ Căn cứ vào cách xác định trên, kế toán tính toán hệ số phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho từng loại sản phẩm (bảng 2.18) .

**Bảng 2.18:** Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ NCTT**

Từ ngày 01/03 đến ngày 31/03

STT	Tên sản phẩm	Chi phí NVLTT của từng sản phẩm	Hệ số phân bổ CP	Chi phí NCTT phân bổ cho từng loại
1	Áo vest nam	173.124.884	0,475	385.768.963
2	Áo khoác da 1 khóa	104.110.423	0,286	232.273.523
3	Quần âu	37.445.880	0,103	83.650.954
4	Áo sơ mi nam	49.488.335	0,136	110.451.745
	<b>Cộng</b>	<b>364.169.522</b>	<b>1</b>	<b>812.145.186</b>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Chi phí NCTT phân bổ cho áo Vest nam = 812.145.186 x 0,475 = 385.768.963

Chi phí NCTT phân bổ cho áo khoác da 1 khóa = 812.145.186 x 0,286 = 232.273.523

Chi phí NCTT phân bổ cho quần âu = 812.145.186 x 0,103 = 83.650.954

Chi phí NCTT phân bổ cho áo sơ mi nam = 812.145.186 x 0,136 = 110.451.745

**2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn**

\* Hệ thống chứng từ: kế toán chi phí sản xuất chung sử dụng các chứng từ sau: Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, bảng phân bổ chi phí dài hạn, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ,...

\* Tài khoản sử dụng: kế toán hạch toán chi phí sản xuất chung trên tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung.

\* Sổ sách sử dụng: để hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 627,...

\* Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung:

**a) Chi phí công cụ, dụng cụ:**

Với những công cụ dụng cụ nhỏ như: kéo, ghê,... kế toán phân bổ hết một lần vào chi phí, còn các CCDC có giá trị lớn sẽ được tập hợp vào TK 242 - chi phí trả trước dài hạn (phân bổ nhiều năm), kế toán theo dõi TK 242 trên bảng phân bổ như bảng 2.19.

**Bảng 2.19:** Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

**Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn – TK 242**

Tháng 03 năm 2014

STT	Tên VT	Bộ phận sử dụng	SL	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian phân bổ	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền phân bổ kỳ này	Đối tượng phân bổ		
									641	642	627
1	Điều hòa	Phòng Giám đốc	1	8.049.000	8.049.000	36	6.036.750	223.583		167.668	
2	Bàn 1,8m	Phòng Giám đốc	2	1.800.000	3.600.000	24	1.800.000	150.000		150.000	
3	Máy in	Phòng kế toán	2	2.669.000	5.338.000	36	1.779.333	148.277		148.277	
4	Máy tính	Phòng kế toán	4	9.000.000	36.000.000	36	27.000.000	1.000.000		1.000.000	
5	Tủ 4 cánh	PXSX	3	1.200.000	3.600.000	24	1.800.000	150.000			150.000
6	Bàn 1,8m	BP bán hàng	4	1.000.000	4.000.000	24	2.000.000	166.667	166.667		
	....	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng				175.025.000		135.182.458	24.892.542	5.243.564	8.568.920	11.080.058

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu  
(đã ký)

Kế toán trưởng  
(đã ký)

➤ Dựa vào bảng phân bổ chi phí dài hạn, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 227 (bảng 2.20)

**Bảng 2.20:** Chứng từ ghi sổ số 227

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02a-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Hải Phòng Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

#### Số 227

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Phân bổ chi phí công cụ dụng cụ tháng 12	641	242	5.243.564
	642	242	8.568.920
	627	242	11.080.058
<b>Cộng</b>			24.892.542

Kèm theo bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn.

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(*đã ký*)

(*đã ký*)

*b) Chi phí khấu hao TSCĐ:*

➤ Trong tháng TSCĐ của công ty không có biến động gì. Kế toán tiến hành trích khấu hao như bình thường (bảng 2.21)

**Bảng 2.21:** Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

**Mẫu số 06- TSCĐ**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ**

Tháng 03 năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng (năm)	Nơi sử dụng		TK 627- Chi phí sản xuất chung	TK 641 Chi phí bán hàng	TK 642 Chi phí quản lý
			Toàn DN	Số khấu hao tháng			
			Nguyên giá				
1	Số KH trích tháng trước		5.043.721.407	166.234.551	115.617.276	5.446.910	45.170.365
2	Số KH TSCĐ tăng trong tháng		-	-	-	-	-
3	Số KH TSCĐ giảm trong tháng		-	-	-	-	-
4	Số KH trích tháng này, trong đó:		5.043.721.407	166.234.551	115.617.276	5.446.910	45.170.365

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Dựa vào bảng phân bổ khấu hao TSCĐ kế toán lập chứng từ ghi sổ số 228 như bảng 2.22

**Bảng 2.22:** Chứng từ ghi sổ số 228

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02a-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Hải Phòng Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số 228**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Khấu hao TSCĐ tháng 12 cho các bộ phận	641	214	5.446.910
	642	214	45.170.365
	627	214	115.617.276
<b>Cộng</b>			166.234.551

Kèm theo bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(đã ký)

đã ký)

c) Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền:

Bao gồm tiền điện, tiền điện thoại, tiền nước,...

Ví dụ: Một hóa đơn phát sinh ngày 28 tháng 3 năm 2014: công ty thanh toán tiền cước Internet dùng ở bộ phận phân xưởng, tổng số tiền thanh toán là 1.846.079 đồng. Công ty thanh toán ngay bằng tiền mặt.

**Bảng 2.23:** Hóa đơn cước dịch vụ viễn thông



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)  
Liên 2: Giao cho người mua

Mẫu số: 01GTKT2/001  
Ký hiệu: AA/13P  
Số: 1202471

Mã số thuế: 020028797

Viễn thông Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Tên khách hàng: Công ty cổ phần May Trường Sơn

Địa chỉ: số 123 Tô 8, Hòa Nghĩa, Quận Dương Kinh, TP Hải phòng

Số điện thoại:.....Mã số:.....

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Dịch vụ sử dụng	Thành tiền
	Kỳ cước tháng 03/2014	
	a. Cước dịch vụ viễn thông	1.678.254
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ	0
	d. Khuyến mại	0
	e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ	0
(a+b-c-d)	Cộng tiền dịch vụ(1)	1.678.254
Thuế suất GTGT: 10% $\times$ a =	Tiền thuế GTGT (2)	167.825
(1+2-e)	Tổng cộng tiền thanh toán (1+2)	1.846.079

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký



Từ hóa đơn GTGT số 1202471 kê toán viết phiếu chi (bảng 2.24)

***Bảng 2.24:*** Phiếu chi số 89

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: 02 - TT**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 28 tháng 03 năm 2014*

Quyển số: 01

Số : 89

Nợ : 627, 133

Có : 111

Họ, tên người nhận tiền: Phạm Ngọc Hằng

Địa chỉ: Công ty VNPT

Lý do chi: Nộp cước Internet tháng 03/2014

Số tiền: 1.846.079 đồng (Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.

Kèm theo hóa đơn GTGT dịch vụ viễn thông

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

➤ Đối với các chi phí còn lại khi phát sinh tại bộ phận sản xuất sẽ được tập hợp vào bảng kê chứng từ cùng nội dung (bảng 2.25)

**Bảng 2.25:** Bảng kê chứng từ cùng nội dung

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN

Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG**

Tháng 03 năm 2014

Nội dung: Chi phí sản xuất chung còn lại

Chứng từ gốc		Nội dung	Số tiền phát sinh (chưa VAT)	Tiền VAT	Cộng
SH	NT				
PC52	06/03	Chi bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất	2.233.968	223.397	2.457.365
		...	...	...	...
PC89	28/03	Thanh toán tiền cước Internet tháng 03/2014	1.678.254	167.825	1.846.079
		...	...	...	...
		Cộng	28.930.037	2.893.004	31.823.041

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

➤ Căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng nội dung, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 229 như bảng 2.26

**Bảng 2.26:** Chứng từ ghi sổ số 229

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02a-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Hải Phòng Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số 229**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí khác bằng tiền ở phân xưởng	627	111	28.930.037
Thuế VAT	133	111	2.893.004
....	...	...	....
<b>Cộng</b>			60.823.041

Kèm theo ..... chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(*đã ký*)

(*đã ký*)

- Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 227, 228, 229 kế toán ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như bảng 2.9 và ghi vào sổ cái TK 627 như bảng 2.27

**Bảng 2.27:** Sổ cái TK 627

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02c1-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Hải Phòng Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

(Trích tháng 3 năm 2014)

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng</b>			
31/03	227	31/03	Phân bổ chi phí công cụ dụng cụ tháng 12	242	11.080.058	
31/03	228	31/03	Khấu hao TSCĐ tháng 12 cho các bộ phận	214	115.617.276	
31/03	229	31/03	Chi phí khác bằng tiền	111	55.293.674	
...	...	...	...	...	...	
31/03	230	31/03	K/c chi phí SXC	154		198.520.754
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		198.520.754	198.520.754
			<b>Số dư cuối tháng</b>		x	x

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi số

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký tên, đóng dấu)

❖ Công ty cũng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm dựa vào tỷ lệ % chi phí NVLTT xuất dùng trong kỳ với công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Mức CPSXC} \\
 \text{phân bổ} \\
 \text{cho từng} \\
 \text{đối tượng}
 \end{array}
 = \frac{\text{Tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \begin{array}{l}
 \text{Tổng} \\
 \text{CPSXC} \\
 \text{cần phân} \\
 \text{bổ}
 \end{array}$$

➤ Căn cứ vào cách xác định trên, kế toán tính toán hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm (bảng 2.28)

**Bảng 2.28:** Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SXC**

Từ ngày 01/03 đến ngày 31/03

STT	Tên sản phẩm	Chi phí NVLTT của từng sản phẩm	Hệ số phân bổ CP	Chi phí SXC phân bổ cho từng loại
1	Áo vest nam	173.124.884	0,475	94.297.358
2	Áo khoác da 1 khóa	104.110.423	0,286	56.776.936
3	Quần âu	37.445.880	0,103	20.447.638
4	Áo sơ mi nam	49.488.335	0,136	26.998.822
	Cộng	364.169.522	1	198.520.754

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Chi phí SXC phân bổ cho áo Vest nam = 198.520.754 x 0,475 = 94.297.358

Chi phí SXC phân bổ cho áo khoác da 1 khóa = 198.520.754 x 0,286 = 56.776.936

Chi phí SXC phân bổ cho quần âu = 198.520.754 x 0,103 = 20.447.638

Chi phí SXC phân bổ cho áo sơ mi nam = 198.520.754 x 0,136 = 26.998.822

**2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần May Trường Sơn**

- ❖ Hệ thống chứng từ: phiếu nhập kho, bảng tính giá thành sản phẩm,...
- ❖ Tài khoản sử dụng: 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- ❖ Sổ sách sử dụng : Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 154....
- ❖ Nội dung tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn:

\* Tính giá thành sản phẩm tại công ty:

Do chu kỳ sản xuất ngắn, quy trình sản xuất giản đơn và để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh công ty áp dụng tính giá thành theo phương pháp trực tiếp. Công thức tính như sau:

$$\begin{matrix} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{Giá thành đơn vị thực} \\ \text{tế của sản phẩm} \end{matrix} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

$$\begin{matrix} \text{Giá trị} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{matrix} = \frac{\begin{matrix} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí NVLTT} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{matrix}}{\begin{matrix} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{matrix}} \times \begin{matrix} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{matrix}$$

=> Công ty đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

➤ Trong tháng 3 năm 2014 sản phẩm áo Vest nam 2 ve xuôi tiến hành nhập kho 485 chiếc còn lại sản lượng dở dang là 15 chiếc.

$$\begin{aligned} \text{Giá trị áo Vest nam dở} \\ \text{dang cuối kỳ} &= \frac{0 + 173.124.884}{485 + 15} \times 15 \\ &= 5.193.747 \text{ đồng} \end{aligned}$$

**Bảng 2.29:** Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC**

Tên sản phẩm, dịch vụ: Áo vest nam 2 ve xuôi

Mã sản phẩm, dịch vụ: VEST\_N2X

Số lượng: 485 chiếc

Tháng 03 năm 2014

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị (1 chiếc)
621	-	173.124.884	5.193.747	167.931.137	346.250
622	-	385.768.963		385.768.963	795.400
627	-	94.297.358		94.297.358	194.427
Tổng	-	653.191.205	5.193.747	647.997.458	1.336.077

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

➤ Cuối tháng tiến hành nhập kho sản phẩm hoàn thành, kế toán viết phiếu nhập kho như bảng 2.30:

**Bảng 2.30:** Phiếu nhập kho số 136

(Nguồn: Phòng kế toán của Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

**Mẫu số: 01 – VT**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC Hải Phòng  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**      Số: 136  
Ngày 31 tháng 03 năm 2014      Nợ: 155  
Có: 154

Họ và tên người giao: Nguyễn Văn Trung

Theo ..... số..... ngày...tháng ... năm ..... của .....

Nhập tại kho: Thành phẩm

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Áo Vest nam 2 ve xuôi	VEST_N2X	Chiếc	485	485	1.336.077	647.997.345
-----							
	Cộng	x	x	x	x	x	647.997.345

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

➤ Căn cứ vào số liệu của sổ cái TK 621, 622, 627, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 230 phản ánh nội dung kết chuyển chi phí sản xuất (bảng 2.31)

**Bảng 2.31:** Chứng từ ghi sổ số 230

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02a-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số 230**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí NVL trực tiếp	621	154	364.169.522
K/c chi phí NCTT	622	154	812.145.186
K/c chi phí SXC	627	154	198.520.754
<b>Cộng</b>			1.374.835.462

Kèm theo ..... chứng từ gốc.

Người lập biểu  
(*đã ký*)Ngày 31 tháng 03 năm 2014  
Kế toán trưởng  
(*đã ký*)

➤ Căn cứ vào phiếu nhập kho số 136, kế toán lập chứng từ ghi sổ số 231 (bảng 2.32)

**Bảng 2.32:** Chứng từ ghi sổ số 231

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02a-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số 231**

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Nhập kho thành phẩm áo Vest nam 2 ve xuôi tháng 3	155	154	647.997.345
<b>Cộng</b>			647.997.345

Kèm theo ..... chứng từ gốc.

Người lập biểu  
(*đã ký*)Ngày 31 tháng 03 năm 2014  
Kế toán trưởng  
(*đã ký*)



➤ Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 230 và 231 kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như bảng 2.9. Sau đó lập sổ cái tài khoản 154 như bảng 2.33

**Bảng 2.33:** Sổ cái TK 154

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần may Trường Sơn)

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Trường Sơn

**Mẫu số: S02c1-DN**

Địa chỉ: Tổ 8 - Hòa Nghĩa - Dương Kinh - (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

(Trích tháng 3 năm 2014)

Đơn vị tính: đồng

NTG S	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu tháng</u></b>		—	
31/03	230	31/03	K/c chi phí NVL Trực tiếp	621	364.169.522	
31/03	230	31/03	K/c chi phí NCTT	622	812.145.186	
31/03	230	31/03	K/c chi phí SXC	627	158.520.754	
31/03	231	31/03	Nhập kho áo Vest nam 2 ve xuôi	155		647.997.345
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh tháng</b>		1.334.835.462	1.316.448.836
			<b><u>Số dư cuối tháng</u></b>		<u>17.386.626</u>	

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty Cổ phần May Trường Sơn.****3.1.1. Ưu điểm**

Trải qua những năm xây dựng và trưởng thành, công ty Cổ phần May Trường Sơn đang ngày càng không ngừng vươn lên, xây dựng, nâng cao uy tín của công ty, lớn mạnh cả về cơ cấu lẫn chất lượng sản phẩm và đứng vững trên thị trường. Cùng với nỗ lực phấn đấu của ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công nhân viên, công ty Cổ phần May Trường Sơn đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Cụ thể:

- ❖ Thứ nhất, về tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức bộ máy kế toán:
  - Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống giúp cho Ban lãnh đạo công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.
  - Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung: số liệu kế toán phục vụ kịp thời cho chỉ đạo toàn công ty, tất cả các công việc kế toán chủ yếu được tập hợp ở văn phòng trung tâm nên tránh được tình trạng báo cáo sai lệch về tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty.
  - Bộ máy kế toán tại công ty với những nhân viên chịu khó học hỏi, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán mới và vận dụng một cách linh hoạt vào tình hình tại công ty.
- ❖ Thứ hai, về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty:
  - Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở công ty là hình thức chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức ghi chép giản đơn, thuận tiện.
  - Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của công ty. Đồng thời kế toán công ty cũng đã xây dựng được trình tự luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, đảm bảo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời và không ảnh hưởng đến các bộ phận khác. Nhờ thế, công tác kế toán nói chung được thực hiện minh bạch, rõ ràng, có căn cứ vững chắc

và công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc.

– Để theo dõi chi phí một cách độc lập công ty đã lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành, và từ đó có thể xác định được lợi nhuận theo từng sản phẩm.

– Phương pháp tính giá thành áp dụng tại công ty là phương pháp trực tiếp. Sử dụng phương pháp này sẽ giúp công tác tính giá thành đơn giản hơn, công việc tính toán của kế toán sẽ nhẹ nhàng hơn, tránh được những sai sót không đáng có do nhầm lẫn trong việc tính toán.

– Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp Ban giám đốc thường xuyên nắm được tình hình biến động hàng tồn kho và ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

❖ Thứ ba, về tổ chức quản lý lao động:

Công ty rất quan tâm đến vấn đề quản lý lao động, luôn khuyến khích động viên đối với người lao động bằng chế độ thưởng phạt, khai thác được tiềm năng của từng công nhân.

❖ Thứ tư, về nguyên vật liệu:

Để sản xuất hàng may mặc phải sử dụng rất nhiều loại nguyên, vật liệu khác nhau, và được quản lý ở các kho khác nhau. Tuy vậy, công tác tổ chức và quản lý vấn đề này của doanh nghiệp khá tốt thể hiện ở việc tìm nhà cung cấp, vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản tại các kho bãi đến xuất kho theo kế hoạch để sử dụng cho các phân xưởng, bộ phận trong doanh nghiệp. Việc mua sắm vật tư trực tiếp theo các đơn đặt hàng góp phần tránh ứ đọng vốn trong hàng tồn kho của doanh nghiệp.

❖ Thứ năm, về việc trả lương cho công nhân:

Tiền lương của công nhân sản xuất trực tiếp được trả theo sản phẩm hoàn thành trên cơ sở đơn giá tiền lương được lập, còn tiền lương của cán bộ, công nhân viên không trực tiếp sản xuất sản phẩm được trả theo thời gian lao động thực tế của họ. Điều này là hợp lý và đã thực sự khuyến khích được công nhân không ngừng nâng cao tay nghề để tạo ra sản phẩm nhiều hơn, tăng năng suất lao động.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty còn một số tồn tại:

- ❖ Chi phí phải trả là những khoản chi trong kế hoạch của toàn công ty cần phải trích trước để tính vào chi phí sản xuất kinh doanh để đảm bảo không có sự đột biến lớn trong giá thành sản phẩm khi các chi phí này phát sinh. Các chi phí phải trả bao gồm: tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ ngoài kế hoạch, lãi tiền vay chưa đến hạn,... Tuy nhiên, công ty lại không thực hiện trích trước các khoản này.
- ❖ Sản phẩm hỏng là một tất yếu không thể tránh khỏi trong quá trình sản xuất nhưng doanh nghiệp không hạch toán khoản này gây ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.
- ❖ Đối với các doanh nghiệp sản xuất, khối lượng công việc lớn, nguyên liệu sản xuất nhiều,... việc áp dụng kế toán thủ công gây ra không ít khó khăn cho công việc hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ lâu công ty đã trang bị hệ thống máy tính hiện đại tuy nhiên máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ,... Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Như vậy một doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững phải tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ việc đầu tư vốn, tổ chức sản xuất đến việc tiêu thụ sản phẩm. Để cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi mẫu mã sao cho phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhất mà các doanh nghiệp có thể cạnh tranh trên thị trường đó là biện pháp hạ giá thành sản phẩm. Do đó việc nghiên cứu tìm tòi và tổ chức hạ giá thành sản phẩm là rất quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, đồng thời tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết,

tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được xác định là quan trọng và trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện kế toán của doanh nghiệp.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, công ty Cổ phần May Trường Sơn đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững, tồn tại trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ngày càng được coi trọng.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn**

Mục đích kinh doanh của các doanh nghiệp là đem lại lợi nhuận tối đa với chi phí thấp nhất. Cho nên người ta không thể hoàn thiện một phương án nào đó với bất kỳ giá nào mà không quan tâm đến tính khả thi và hiệu quả của nó. Vì vậy việc hoàn thiện các nội dung của tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn cũng phải đảm bảo được mục tiêu này.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn,... phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành luật pháp mà còn có một vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

**Thứ nhất**, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

**Thứ hai**, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

**Thứ ba**, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán.

**Thứ tư**, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

**3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn**

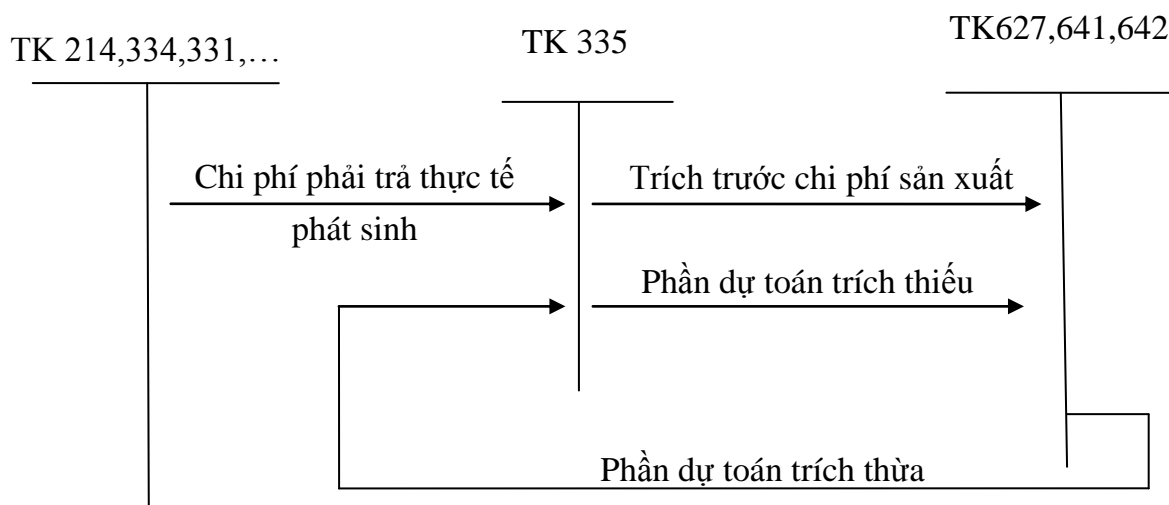
Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các quyết định quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn:

**3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc trích trước chi phí**

Mục đích của việc trích trước chi phí là để ổn định chi phí sản xuất trong các kỳ, tránh sự đột biến tại công ty, cần trích các khoản như tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất (do số lượng công nhân của công ty rất lớn, vì thế trong năm số lượng công nhân nghỉ phép cũng tương đối nhiều), chi phí sửa chữa lớn TSCĐ,....

**Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán các khoản chi phí trích trước**



**3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất**

Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những thiệt hại này có thể do nguyên nhân khách quan hay chủ quan nhưng đều làm cho chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Để hạn chế chi phí tối ưu thì cần khắc phục, kiểm soát và quản lý được các khoản thiệt hại này.

❖ Tại công ty, thiệt hại trong sản xuất chủ yếu là thiệt hại về sản phẩm hỏng.

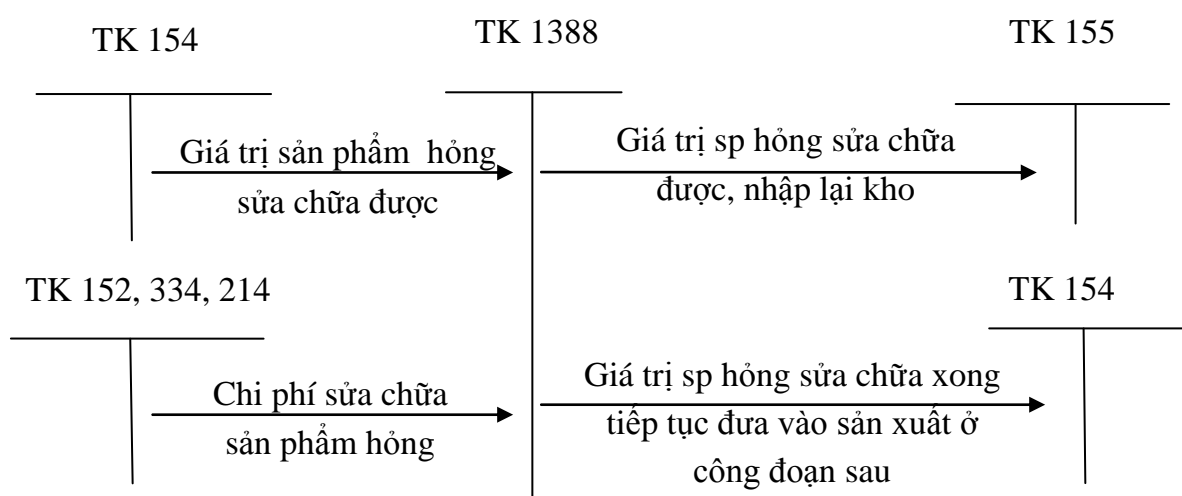
Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng, đặc điểm kỹ thuật sản xuất (màu sắc, kích cỡ, đường may,...). Sản phẩm có thể sửa chữa được hay không sửa chữa được đều gây ra một khoản thiệt hại là làm tăng chi phí sản xuất. Tuy nhiên, doanh nghiệp lại không hạch toán khoản chi phí này mà để cho thành phẩm gánh chịu, chính vì vậy mà làm tăng giá thành của sản phẩm.

Công ty nên hạch toán các khoản thiệt hại này bằng việc tìm đúng nguyên nhân sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý đúng đắn. Nếu hỏng do lỗi của người lao động thì yêu cầu bồi thường để nâng cao ý thức trách nhiệm trong quá trình sản xuất. Nếu hỏng do lỗi kỹ thuật thì cần phải tìm biện pháp xử lý để hạn chế thấp nhất thiệt hại.

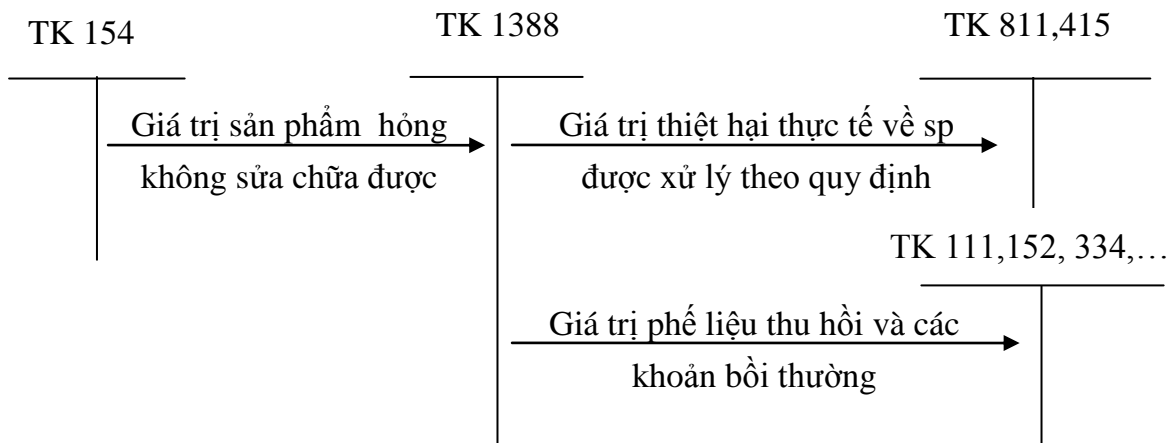
Xác định số thiệt hại về sản phẩm hỏng:

$$\text{Thiệt hại thực} = \text{Thiệt hại ban đầu} - \text{Các khoản thu hồi}$$

**Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng sửa chữa được:**



**Sơ đồ 3.3: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được:**



**3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc hạch toán phế liệu thu hồi**

Với đặc thù của hàng may mặc là sử dụng rất nhiều các loại vải, bông,... cùng với những nguyên liệu phụ đi kèm như cúc, chỉ, khuy, khóa,... nên khi kết thúc một đơn đặt hàng thì số phế liệu bỏ đi khá lớn. Để khắc phục tình trạng hao phí nguồn tài nguyên cũng như lượng rác thải của doanh nghiệp rất lớn như hiện nay thì doanh nghiệp nên tận dụng nguồn phế liệu này để bán cho các cơ sở sản xuất túi, ví, giày, đồ chơi,... Mặt khác, thu hồi, tận dụng được nguồn phế liệu sẽ làm cho việc hạch toán chi phí được chính xác, hoàn thiện hơn góp phần hạ giá thành sản phẩm.

Phế liệu thu hồi ghi: Nợ TK 152, 111,...

Có TK 154

Nếu doanh nghiệp có thể tổ chức bộ phận sản xuất phụ thì phần phế liệu thu hồi trên lại trở thành vật liệu cho sản xuất phụ.

**3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng phần mềm kế toán**

Để giảm tải khối lượng công việc và có thể tập hợp chi phí sản xuất đầy đủ và tính giá thành chính xác thì công ty nên áp dụng phần mềm kế toán thay vì môi trường làm việc thủ công như trước kia. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp như: phần mềm kế toán của Bravo, Misa, Fast,...

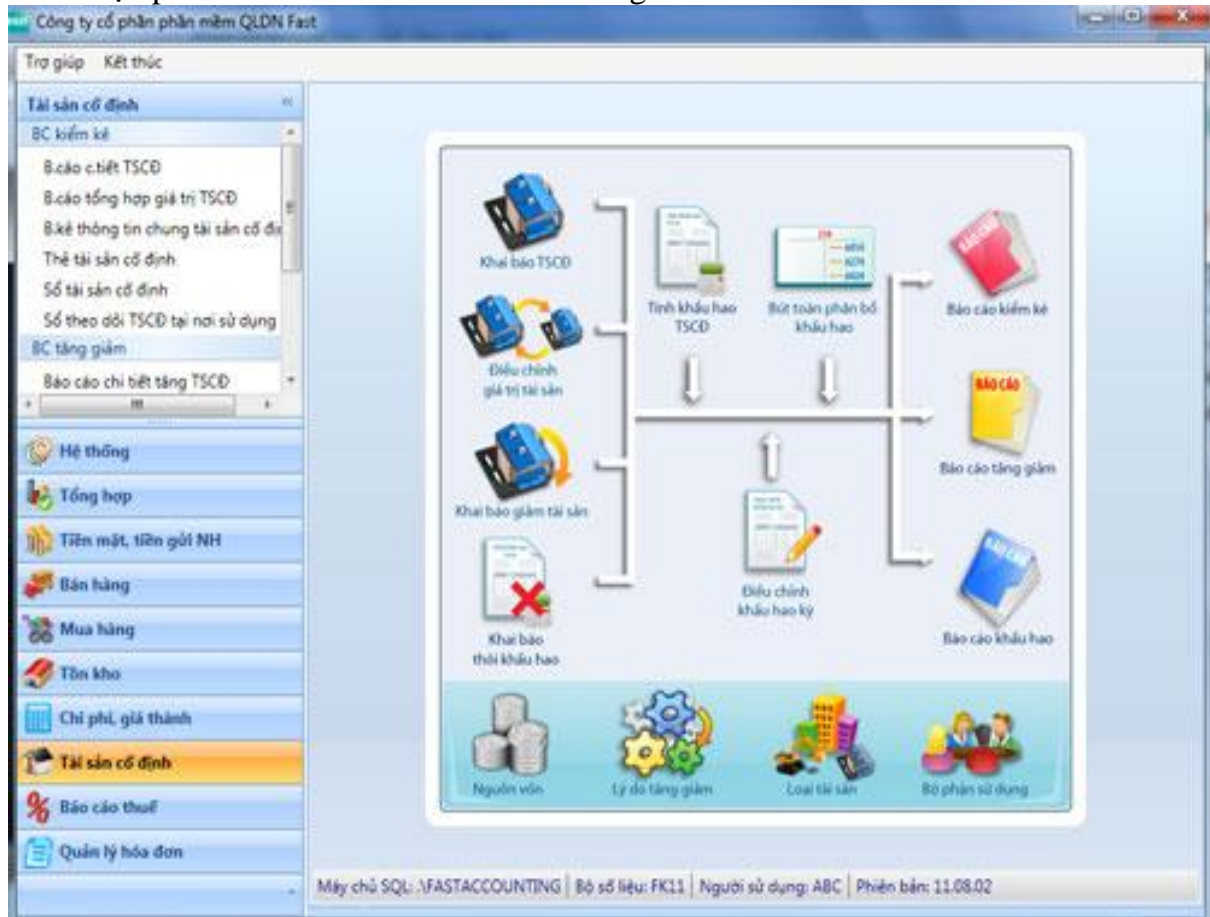
Dưới đây là ví dụ giao diện phần mềm kế toán của Misa và Fast:



Giao diện phần mềm kế toán Misa



Giao diện phần mềm kế toán Fast-Accounting



### **3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn**

#### **3.5.1. Về phía Nhà nước**

Áp lực cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ trên thị trường cùng với khả năng còn yếu của doanh nghiệp trong nước đặt ra cho Nhà nước một vấn đề cấp bách cần phải giải quyết. Đó là làm thế nào để thực hiện tốt các cam kết hội nhập đồng thời khai thác các điểm mạnh trong nước và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển.

Vì mục tiêu chung, Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cũng như tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp to lớn trong sự phát triển của đất nước. Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

#### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp**

Đứng trước những thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở cửa, doanh nghiệp nên tìm ra các biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán của công ty.

Doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức và cử nhân viên kế toán của công ty mình tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi trong chế độ kế toán nói chung và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán.

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp sản xuất. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh phụ thuộc vào việc xác định các khoản mục chi phí để tính giá thành sản phẩm. Do đó các biện pháp nhằm làm giảm chi phí và hạ giá thành mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn là tiêu chí đặt ra cho các công ty.

Sau quá trình nghiên cứu nghiêm túc và kỹ lưỡng, đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn” đã cung cấp đầy đủ những lý luận cơ bản về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn. Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần May Trường Sơn như:

- Kiến nghị trích trước chi phí
- Kiến nghị hạch toán thiệt hại trong sản xuất
- Kiến nghị áp dụng phần mềm kế toán
- Kiến nghị hạch toán phế liệu thu hồi

Do thời gian tiếp xúc với thực tế có hạn, sự hiểu biết về khoa học kế toán còn nhiều hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em mong các thầy, cô giáo và các anh chị cán bộ kế toán của công ty Cổ phần May Trường Sơn tham gia và đóng góp ý kiến với mục đích hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Cuối cùng, em xin cảm ơn chân thành đến sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các anh chị cán bộ kế toán tài vụ tại công ty Cổ phần May Trường Sơn đã giúp em hoàn thành đề tài này!

Hải Phòng, ngày ... tháng 11 năm 2014

Sinh viên thực hiện

Trịnh Thị Duyên

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. TS.Võ Văn Nhị - Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản thống kê 2002.
2. PGS\_TS.Nguyễn Đình Đỗ - Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản tài chính 2006.
3. TS.Phan Đức Dũng – Kế toán chi phí giá thành. Nhà xuất bản thống kê 2007
4. Bộ tài chính, Hệ thống kế toán Việt Nam – Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2, Báo cáo tài chính, Chứng từ và sổ kế toán, Sơ đồ kế toán). Nhà xuất bản lao động năm 2011.